

TỔNG CỤC THỐNG KÊ
CỤC THỐNG KÊ THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

TÌNH HÌNH KINH TẾ - XÃ HỘI
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG
THÁNG MƯỜI VÀ 10 THÁNG NĂM 2024

Đà Nẵng, tháng 10 năm 2024



TỔNG CỤC THỐNG KÊ
CỤC THỐNG KÊ TP. ĐÀ NẴNG

KINH TẾ - XÃ HỘI THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG Tháng 10 năm 2024



0236.3827680



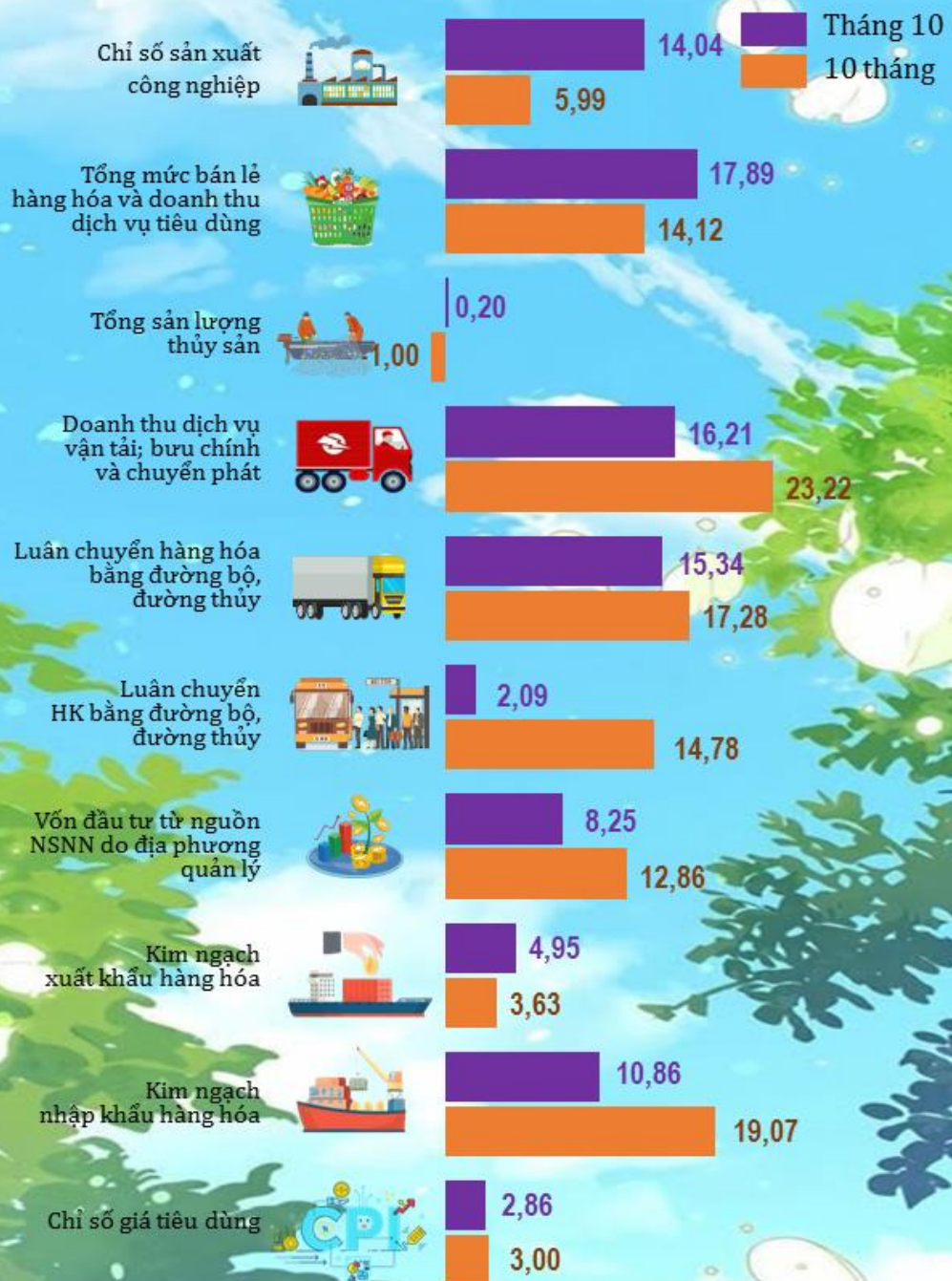
cucthongke.danang.gov.vn



tonghopdna@gso.gov.vn

TỐC ĐỘ TĂNG MỘT SỐ CHỈ TIÊU KINH TẾ - XÃ HỘI THÁNG 10 VÀ 10 THÁNG NĂM 2024

(So với cùng kỳ năm 2023 - ĐVT:%)



NÔNG, LÂM NGHIỆP VÀ THỦY SẢN



Lúa

4.555 ha

▼ 0,5%



Ngô

112 ha

▼ 1,8%



Mía

109 ha

▼ 63,4%



**Khoai
lang**

102 ha

▼ 8,9%



Lạc

266 ha

▼ 9,1%



**Rau,
đậu, hoa**

449 ha

▼ 41,8%

Lĩnh vực thủy sản



Tổng sản lượng

33.924 tấn

▼ 1,0%



Khai thác

32.709 tấn

▼ 1,2%



Nuôi trồng

1.216 tấn

▲ 3,0%

Tính đến 15/10/2024, diện tích gieo trồng cây hàng năm ước đạt 5.879 ha

▼ 9,3%

**Sản lượng gỗ rừng
trồng khai thác**



94,1 nghìn m³

▼ 11,2%

**Sản lượng củi
khai thác**



88,7 nghìn Ste

▲ 15,7%



SẢN XUẤT CÔNG NGHIỆP

Chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) tháng 10 năm 2024 ước tăng 1,10% so với tháng trước và tăng 14,04% so với cùng kỳ năm 2023.

Chỉ số sản xuất công nghiệp 10 tháng năm 2024

(So với cùng kỳ năm 2023 - ĐVT: %)



Chỉ số ngành công nghiệp chế biến, chế tạo 10 tháng

(So với cùng kỳ năm 2023)





Đầu tư và đăng ký doanh nghiệp

VĐT thực hiện từ NSNN do địa phương quản lý



5.429 tỷ đồng

▲ 12,9%



62,9%

So với kế hoạch năm 2024

Thu hút đầu tư trong nước



Dự án cấp mới

08



Vốn đăng ký

26.945 Tỷ đồng

Thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài

Dự án cấp mới

▼ 34,4%

59

21

Dự án điều chỉnh vốn

▼ 36,4%

Lượt góp vốn mua cổ phần

▼ 45,5%

18

33,2

Triệu USD vốn đăng ký mới và tăng thêm

▼ 81,7%

Doanh nghiệp, cơ sở trực thuộc thành lập mới



3.372 DN



Vốn đăng ký

11.344 Tỷ đồng

▼ 27,2%



Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng

Nhu cầu tiêu dùng và sản xuất trong nước phục hồi; bên cạnh đó, sự tăng trưởng mạnh mẽ của du lịch đã đóng góp tích cực vào tăng trưởng của ngành thương mại dịch vụ trong mười tháng năm 2024. Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng tháng 10/2024 ước đạt 11.728,2 tỷ đồng, giảm 0,5% so với tháng trước và tăng 17,9% so với cùng kỳ năm trước.

Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng 10 tháng năm 2024

TỔNG SỐ

114.267 ▲ **14,1%**
Tỷ đồng



▲ **12,4%**
Bán lẻ hàng hóa



▲ **21,7%**
Lưu trú và ăn uống



▲ **36,5%**
Lữ hành và DV hỗ trợ DL



▲ **7,3%**
Dịch vụ tiêu dùng khác

(▲ Tăng so với cùng kỳ năm 2023)



Info tháng 10.2024_

XUẤT, NHẬP KHẨU HÀNG HÓA



★ Ước tính tháng 10/2024, tổng kim ngạch xuất, nhập khẩu hàng hóa hai chiều đạt 264 triệu USD, giảm 0,4% so với tháng trước và tăng 7,4% so với cùng kỳ năm 2023. Tính chung 10 tháng, ước đạt 2.695 triệu USD, tăng 9,5% so với cùng kỳ năm 2023.

476

triệu USD

Xuất siêu



XUẤT KHẨU

Tháng 10/2024 ước đạt 153 triệu USD, tăng 5,0% so với cùng kỳ năm 2023. Tính chung 10 tháng ước đạt 1.585 triệu USD, tăng 3,6%.

1.585

triệu USD

**Cộng 10
tháng 2024**

▲ **3,6%**



NHẬP KHẨU

Nhập khẩu hàng hóa ước đạt 111 triệu USD, tăng 10,9% so với cùng kỳ năm trước. Lũy kế 10 tháng ước đạt 1.109 triệu USD, tăng 19,1%.

1.109

triệu USD

**Cộng 10
tháng 2024**

▲ **19,1%**

VẬN TẢI; BƯU CHÍNH VÀ CHUYỂN PHÁT

Tổng doanh thu toàn ngành vận tải (không bao gồm đường sắt và đường hàng không); bưu chính và chuyển phát **10 tháng năm 2024** ước đạt **19.630 tỷ đồng**, tăng 23,2% so với cùng kỳ năm 2023.



▲ 19,6%

Vận tải
đường bộ



▲ 9,6%

Vận tải thủy
nội địa và
viễn dương



▲ 27,6%

Kho bãi và
dịch vụ hỗ trợ
vận tải



▲ 8,7%

Dịch vụ
Bưu chính và
chuyển phát

Vận chuyển

24.298

nghìn lượt
hành khách



▲ 11,2%

Lưu chuyển

792

triệu lượt HK.km



▲ 14,8%

Vận chuyển

44.822

nghìn tấn
hàng hóa



▲ 18,6%

Lưu chuyển

4.361

triệu Tấn.km



▲ 17,3%

VẬN TẢI HÀNH KHÁCH

VẬN TẢI HÀNG HÓA

(▲ Tăng so với cùng kỳ năm 2023)





 Da Nang


DU LỊCH

Số lượt khách do các cơ sở lưu trú phục vụ trong tháng 10 năm 2024 ước đạt 752 nghìn lượt, giảm 11,6% so với tháng trước và tăng 36,0% so với tháng cùng kỳ năm 2023. Tính chung 10 tháng năm 2024, tổng lượt khách cơ sở lưu trú phục vụ ước đạt 9.299 nghìn lượt, tăng 31,7% so với cùng kỳ. Trong đó:

Khách trong nước

5.812 nghìn lượt

▲ 32,0%

Khách quốc tế

3.487 nghìn lượt

▲ 31,2%

(▲ Tăng so với cùng kỳ năm 2023)



TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG

Thu - chi ngân sách nhà nước trên địa bàn

(Tính đến 25/10/2024 - so với cùng kỳ năm 2023)

Thu NSNN

21.064 tỷ đồng

▲ **29,5%**



Chi NSNN

24.626 tỷ đồng

▲ **14,3%**

Hoạt động ngân hàng thời điểm 31/10/2024

(so với 31/12/2023)



**Tiền gửi
tiết kiệm**

127.500 tỷ đồng

▲ **8,9%**



**Tiền gửi
thanh toán**

82.500 tỷ đồng

▲ **11,6%**



**Dư nợ trung,
dài hạn**

120.500 tỷ đồng

▲ **0,8%**



**Dư nợ
ngắn hạn**

107.000 tỷ đồng

▲ **6,7%**



VIỆC LÀM VÀ AN SINH XÃ HỘI

Đảm bảo an sinh xã hội

Thành phố đã thực hiện giải quyết trợ cấp hằng tháng và 1 lần cho 99 trường hợp người có công với cách mạng và thân nhân; trong đó, trợ cấp hằng tháng 17 trường hợp và trợ cấp 1 lần 82 trường hợp; trợ cấp khó khăn đột xuất cho 55 trường hợp, số tiền 163 triệu đồng. Ngoài ra, thành phố luôn quan tâm, chỉ đạo thực hiện chỉ tiêu giảm hộ nghèo còn sức lao động chuẩn Trung ương năm 2024; kiểm tra, giám sát tiến độ xây mới, sửa chữa nhà ở cho hộ nghèo và công tác rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo định kỳ năm 2024.



Giải quyết việc làm

Tháng 10/2024, thành phố đã tổ chức được 04 phiên giao dịch việc làm; giải quyết việc làm cho 406 lao động. Thẩm định và có quyết định hưởng trợ cấp bảo hiểm thất nghiệp hàng tháng cho 14.309 trường hợp với số tiền chi trả là 305,049 tỷ đồng.



GIÁO DỤC

Các công tác trọng tâm của ngành giáo dục thành phố trong tháng đó là tổ chức bồi dưỡng các đội tuyển tham dự Kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia THPT năm học 2024-2025.



Tổng kết, khen thưởng Hội khỏe Phù Đổng toàn quốc năm học 2023-2024; tổng kết, đánh giá triển khai thí điểm học bạ số; tổ chức chuyên đề “Hoạt động giáo dục kỹ năng sống cho trẻ mầm non”; các lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ theo kế hoạch.



Văn hóa - Thể thao

Văn hóa

Các hoạt động văn hóa, văn nghệ phục vụ du khách và người dân thành phố Đà Nẵng, như: Danang Bazaar Version “Chợ phiên đêm” tại Helio Center; Đêm nhạc gây quỹ từ thiện “Suối ấm tim em 2016”;... Trong tháng, Bảo tàng Điêu khắc Chăm đón 8.500 khách; Bảo tàng Đà Nẵng ước đón 6.580 lượt khách (trong đó ước đón 4.315 khách nước ngoài); Bảo tàng Mỹ thuật đón 2.330 lượt khách (trong đó ước đón 460 khách nước ngoài).



Thể thao



Trong tháng, thành phố đã diễn ra các hoạt động thể dục thể thao như: Đại hội thể thao bãi biển Châu Á (ABG 5); Giải bơi vô địch quốc gia năm 2024; Giải lặn vô địch quốc gia năm 2024,... Tính đến ngày 15/10/2024, Đoàn thể thao Đà Nẵng thi đấu các giải quốc gia đạt tổng cộng 248 HCV, 216 HCB và 306 HCD; giải quốc tế đạt 33 HCV, 25 HCB và 33 HCD.



Số: /BC-CTK

Đà Nẵng, ngày

tháng 10 năm 2024

BÁO CÁO

Tình hình kinh tế - xã hội tháng Mười và 10 tháng năm 2024

Sơ bộ kết quả thực hiện một số chỉ tiêu kinh tế - xã hội tháng Mười và 10 tháng năm 2024 tại thành phố Đà Nẵng như sau:

I. LĨNH VỰC KINH TẾ

1. Sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản

Tháng Mười năm 2024, hoạt động sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản bị ảnh hưởng bởi cơn bão số 6 và các đợt mưa lớn. Sản xuất nông nghiệp tập trung vào thúc đẩy sản xuất nông sản; chăn nuôi phát triển ổn định, công bố hết dịch tả lợn châu Phi tại một số xã thuộc huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng. Các hoạt động quản lý bảo vệ và phát triển rừng được chú trọng thực hiện. Tăng cường công tác kiểm tra các hoạt động về khai thác thủy sản bất hợp pháp, không báo cáo và không theo quy định (khai thác IUU).

1.1. Nông nghiệp

a) Lĩnh vực trồng trọt

Trên địa bàn thành phố Đà Nẵng, hoạt động sản xuất nông nghiệp trong tháng 10 năm 2024 tập trung vào công tác hướng dẫn sản xuất các loại cây trồng, thúc đẩy sản xuất nông sản dịp cuối năm và đưa ra định hướng cơ cấu giống lúa, lịch thời vụ gieo sạ vụ Đông Xuân 2024-2025. Tính đến thời điểm ngày 15/10/2024, trên địa bàn thành phố đã gieo trồng được 5.878,9 ha, giảm 9,3% so với cùng kỳ năm trước.

Diện tích gieo cấy lúa cả 2 vụ đạt 4.554,5 ha, giảm 0,5% so với cùng kỳ năm 2023. Cùng với việc gieo cấy lúa, các địa phương trên địa bàn thành phố đang tiến hành gieo trồng các loại cây hoa màu. Đa phần các loại cây trồng đều có diện tích gieo trồng giảm so với cùng kỳ do hiệu quả kinh tế không cao nên nông dân thu hẹp sản xuất. Tính đến ngày 15/10/2024, diện tích gieo trồng các loại cây trồng khác đạt 1.324,5 ha, giảm 30,4%, trong đó: cây ngô ước đạt 112,3 ha, giảm 1,8%; khoai lang 102,0 ha, giảm 8,9%; cây sắn 20,5 ha, giảm 27,9%; lạc 266,3 ha, giảm 9,1%; cây mía 109 ha, giảm 63,4%; cây mè 187 ha giảm 5,0%; rau các loại 346,6 ha, giảm 45,7%; đậu các loại 28,0 ha, giảm 52,9%.

Nhìn chung, sản xuất nông nghiệp trên địa bàn thành phố Đà Nẵng tiếp tục có xu hướng thu hẹp quy mô do quá trình quy hoạch, phát triển đô thị; quá trình chuyển đổi cơ cấu cây trồng; đất canh tác bị nhiễm mặn.

Hiện nay, tình trạng diện tích đất bị ô nhiễm, đất bị bỏ hoang, không sản xuất được do thiếu nước tưới, vùng trũng ngập hoặc bạc màu vẫn diễn ra trên địa bàn thành

phố. Từ đầu năm đến nay, một số địa phương thuộc huyện Hòa Vang đã có những mô hình nông nghiệp hiệu quả, “phủ xanh” được một phần diện tích đất hoang hóa, góp phần cải thiện thu nhập, kinh tế cho nhiều hộ dân. Đây là kết quả tích cực bước đầu để chống hoang hóa đất nông nghiệp trên địa bàn thành phố trong thời gian tới.

Trong tháng 10 năm 2024, bà con nông dân trên địa bàn thành phố tất bật xuống giống, chăm sóc các loại hoa, cây cảnh để chuẩn bị sản phẩm chất lượng cung ứng cho thị trường trong dịp Tết Ất Tỵ năm 2025. Đây là vụ mùa quan trọng nhất trong năm, nên nông dân mạnh dạn mở rộng quy mô, sản xuất thêm các loại hoa, cây cảnh mới để đáp ứng nhu cầu thị trường.

Bên cạnh đó, cũng trong tháng 10, cơn bão số 6 (bão Trà Mi) đã gây ảnh hưởng không nhỏ đến hoạt động sản xuất nông nghiệp trên địa bàn thành phố Đà Nẵng. Sau đợt mưa bão, bà con nông dân khẩn trương dọn dẹp, khắc phục hậu quả, bắt tay khôi phục sản xuất, bảo đảm cung ứng cho thị trường và đáp ứng nhu cầu người dân trong dịp Tết Nguyên đán.

Thời gian tới, dự báo thời tiết sẽ tiếp tục diễn biến bất thường do mưa, bão, nên rau màu, các loại hoa, cây cảnh rất dễ bị tổn thương, hư lá, úng rễ và phát sinh sâu bệnh. Do đó, các cơ quan chức năng phối hợp cùng bà con nông dân tăng cường nắm bắt tình hình thời tiết, dịch bệnh để có biện pháp phòng ngừa kịp thời. Bên cạnh đó, hỗ trợ xây dựng, nhân rộng các mô hình ứng dụng công nghệ tiên tiến, sản phẩm chủ lực, đặc trưng gắn với Chương trình OCOP.

b) Lĩnh vực chăn nuôi

Từ đầu năm đến nay, tình hình dịch bệnh trên đàn vật nuôi được kiểm soát chặt chẽ, các loại bệnh nguy hiểm ở động vật như: Cúm gia cầm, Lở mồm long móng ở gia súc, Viêm da nổi cục ở trâu bò, bệnh Đại ở động vật nuôi được kiểm soát và không xảy ra trên địa bàn thành phố.

Đối với công tác phòng, chống dịch tả lợn Châu Phi: thành phố đã ban hành nhiều văn bản chỉ đạo các địa phương tăng cường biện pháp phòng, chống bệnh dịch tả lợn Châu Phi; tổ chức triển khai quyết liệt, kịp thời các biện pháp phòng, chống dịch bệnh lây lan trên diện rộng. Đến ngày 27/9/2024, UBND huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng đã công bố hết dịch tả lợn châu Phi tại các xã Hòa Ninh, Hòa Phong và Hòa Nhơn. Việc công bố hết dịch tả lợn Châu Phi giúp ổn định tình hình chăn nuôi, tạo điều kiện thuận lợi cho người dân ở khu vực này phục hồi sản xuất.

So với cùng kỳ năm trước, số đầu con hiện có của đàn gia súc, gia cầm tiếp tục có xu hướng giảm. Ước tính tháng 10/2024, tổng đàn gia súc trên địa bàn thành phố đạt 31,9 nghìn con, giảm 27,2% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, tổng đàn trâu đạt 444 con, giảm 73,9%; đàn bò đạt 4,2 nghìn con, giảm 65,3%; đàn lợn đạt 27,3 nghìn con, giảm 9,4% so với cùng kỳ năm 2023. Đàn gia cầm ước đạt 891,1 nghìn con, giảm 11,1% so với cùng kỳ năm trước.

Tính chung 10 tháng năm 2024, tổng sản lượng thịt hơi gia súc, gia cầm xuất chuồng ước đạt 6.439,9 tấn tăng nhẹ (+1,1%) so với cùng kỳ năm trước. Sản lượng thịt trâu hơi và sản lượng thịt bò hơi xuất chuồng giảm lần lượt là 32,4% và 49,2% so

với cùng kỳ. Trong khi đó, nhờ vào sự duy trì và phát triển ổn định một số doanh nghiệp lớn trong lĩnh vực chăn nuôi lợn; đồng thời, người tiêu dùng yên tâm hơn khi trở lại với thói quen sử dụng thịt lợn, điều này góp phần làm gia tăng sản lượng thịt lợn hơi xuất chuồng so với cùng kỳ, cụ thể 10 tháng tăng 11,6%. Nhu cầu tiêu dùng về sản phẩm thịt gia cầm ngày càng tăng cao, giá cả hợp lý dẫn đến sản lượng thịt gia cầm hơi xuất chuồng duy trì tốc độ tăng 2,5% so với cùng kỳ.

Ước tính trong 10 tháng năm 2024, tổng sản lượng trứng gia cầm đạt gần 41,6 triệu quả, tăng 21,3% so với cùng kỳ năm 2023. Sản lượng trứng gà chiếm tỷ trọng lớn với 90,7% trong tổng sản lượng trứng gia cầm; ước đạt 37,7 triệu quả, tăng 30,2% so với cùng kỳ. Trên địa bàn thành phố Đà Nẵng, một số doanh nghiệp chăn nuôi gà đẻ trứng với quy mô và công nghệ tiên tiến đã đóng góp tích cực vào việc phát triển mô hình chăn nuôi gà đẻ trứng bền vững, đáp ứng nhu cầu tiêu thụ trứng chất lượng cao tại thành phố Đà Nẵng.

Trước những diễn biến khá phức tạp của thời tiết, người chăn nuôi luôn trong tâm thế sẵn sàng ứng phó với những tình huống do mưa bão gây ra. Bên cạnh đó, trong mùa mưa bão, gia súc, gia cầm bị giảm sức đề kháng, tiềm ẩn nguy cơ tái bùng phát các loại dịch bệnh. Do vậy, cơ quan chức năng khuyến cáo bà con nông dân khi tái đàn cần thực hiện tốt các biện pháp phòng dịch, kiểm soát chặt chẽ chất lượng, nguồn gốc con giống và thức ăn, tiêm phòng đầy đủ định kỳ cho đàn vật nuôi.

1.2. Lâm nghiệp

Trong 10 tháng năm 2024, các cơ quan chức năng tập trung cho công tác quản lý bảo vệ rừng, thường xuyên kiểm tra hiện trường lâm phận quản lý; công tác phát triển rừng và bảo vệ rừng luôn được quan tâm chỉ đạo thường xuyên.

Đối với công tác phòng cháy, chữa cháy rừng: toàn thành phố xảy ra 04 vụ phát lửa; diện tích khu vực cháy nằm ngoài quy hoạch 3 loại rừng và không gây thiệt hại tài nguyên rừng.

Đối với công tác bảo vệ rừng: trong 10 tháng năm 2024, tổ chức thực hiện 663 đợt tuần tra, kiểm tra, kiểm soát trên toàn địa bàn thành phố trong đó tập trung vùng giáp ranh. Qua kiểm tra, tuần tra phát hiện, ngăn chặn và xử lý kịp thời các hành vi vi phạm trong lĩnh vực Lâm nghiệp; tình hình an ninh rừng trên địa bàn thành phố ổn định, không phát hiện dấu vết tái diễn khai thác vàng trái phép tại lâm phận quản lý. Bên cạnh đó, tổ chức 58 đợt kiểm tra, tuần tra, kiểm soát lâm sản và động vật hoang dã tái phép trên địa bàn thành phố; phối hợp tổ chức 103 đợt tuần tra bảo vệ rừng và phòng cháy chữa cháy rừng trên các tuyến đường xung quanh Bán đảo Sơn Trà; tổ chức 126 đợt trực và xử lý thông tin theo phương án số 6853/PA-UBND ngày 14 tháng 12 năm 2022 của UBND thành phố về quản lý, đảm bảo an toàn cho du khách tham quan, dã ngoại tại bán đảo Sơn Trà.

Trong 10 tháng năm 2024, trên địa bàn thành phố phát sinh 313,9 ha diện tích rừng trồng mới, giảm 45,9% so với cùng kỳ năm trước, trong đó toàn bộ là rừng sản

xuất. Sản lượng khai thác gỗ rừng trồng ước đạt 94,1 nghìn m³, giảm 11,2%; sản lượng củi khai thác đạt 88,7 nghìn Ster, tăng 15,7% so với cùng kỳ năm trước.

1.3. Thủy sản

Công tác kiểm tra đăng ký, đăng kiểm tàu cá và các điều kiện đảm bảo an toàn phương tiện được chú trọng; việc thực hiện các chính sách hỗ trợ ngư dân khai thác hải sản xa bờ được quan tâm thực hiện.

Tháng 10 năm 2024, tổng sản lượng các loại thủy sản khai thác và nuôi trồng trên địa bàn thành phố ước đạt 3.027,4 tấn, giảm 13,6% so với tháng trước và tăng 0,2% so với tháng cùng kỳ năm trước. Tính chung 10 tháng năm 2024, tổng sản lượng các loại thủy sản khai thác và nuôi trồng ước đạt 33.924,4 tấn, giảm 1,0% so với cùng kỳ năm 2023. Trong đó, cá đạt 28.744,9 tấn, giảm 0,3%; tôm 1.350,8 tấn, giảm 18,6%; thủy sản khác 3.828,7 tấn, tăng 1,4% so với cùng kỳ năm trước.

Đối với lĩnh vực khai thác thủy sản: tháng 10/2024, tình hình thời tiết những ngày đầu tháng mưa nhiều, biển động nhẹ. Bên cạnh đó, cơn bão số 6 với sức gió mạnh, đã gây ra mưa lớn ở khu vực Trung Bộ, đặc biệt là các tỉnh ven biển như Đà Nẵng. Do thời tiết ngư trường biển không thuận lợi, nhiều tàu thuyền khai thác thủy sản phải neo đậu tại bờ biển trong thời gian dài, dẫn đến sản lượng thủy sản khai thác giảm sâu so với các tháng trước tháng báo cáo. Tháng 10/2024, sản lượng thủy sản khai thác ước đạt 2.922,9 tấn, giảm 16,2% so với tháng trước và tăng 1,0% so với cùng kỳ năm 2023. Tính chung 10 tháng năm 2024, sản lượng thủy sản khai thác đạt 32.708,9 tấn, giảm 1,2% so với cùng kỳ năm 2023. Trong đó, sản lượng khai thác thủy sản biển giảm 1,2%; sản lượng khai thác thủy sản nội địa tăng 3,0% so với cùng kỳ năm trước.

Đối với lĩnh vực nuôi trồng thủy sản: sản lượng thủy sản nuôi trồng tháng 10/2024 ước đạt 104,5 tấn giảm 17,1% so với cùng kỳ; tính chung 10 tháng đạt 1.215,5 tấn, tăng 3,0% so với cùng kỳ năm 2023. Tình hình nuôi trồng thủy sản nước ngọt, nước lợ diễn ra thuận lợi, không có dịch bệnh xảy ra. Cơ quan chức năng thường xuyên theo dõi, giám sát chủ động tình hình dịch bệnh thủy sản và hướng dẫn người dân thực hiện công tác cải tạo ao nuôi và khuyến cáo người dân chọn mua con giống tại cơ sở uy tín, chất lượng. Đến nay, tổng diện tích nuôi trồng thủy sản trên địa bàn thành phố ước đạt 189,9 ha, trong đó diện tích nuôi cá ước đạt 157 ha; diện tích nuôi tôm (tôm thẻ chân trắng) ước đạt 32,9 ha.

Khu vực miền Trung chính thức vào mùa mưa bão, các cơ quan chức năng khuyến cáo người dân cần tăng cường triển khai các biện pháp chủ động ứng phó, giảm thiểu thiệt hại, rủi ro do thiên tai gây ra, nhất đối với các tàu thuyền đang hoạt động trên biển. Cùng với ảnh hưởng do mùa mưa bão đến, nguy cơ tràn bờ, thất thoát trở thành mối lo ngại của những hộ nuôi trồng thủy sản, chính vì vậy để bảo đảm an toàn cho các ao nuôi cần chủ động kiểm tra bờ bao và gia cố chắc chắn, tăng cường bổ sung vitamin và khoáng chất nhằm tăng sức đề kháng cho thủy sản nuôi.

2. Lĩnh vực công nghiệp

Trong bối cảnh kinh tế thế giới có xu hướng phục hồi, hoạt động sản xuất công nghiệp mười tháng năm 2024 trên địa bàn thành phố Đà Nẵng duy trì xu hướng tích cực, tạo đà tăng trưởng cho những tháng còn lại của năm. Nhìn chung, chỉ số sản xuất toàn ngành công nghiệp thành phố tháng 10/2024 tăng trưởng so với tháng trước và so với cùng kỳ năm trước.

Chỉ số sản xuất toàn ngành công nghiệp tháng 10/2024 ước tăng 1,10% so với tháng trước và tăng 14,04% so với tháng cùng kỳ năm 2023. Trong đó, nhóm ngành chủ lực công nghiệp chế biến, chế tạo có chỉ số lần lượt là (+3,21%) và (+14,93%); công nghiệp sản xuất và phân phối điện (-14,42%) và (+8,79%); cung cấp nước, quản lý và xử lý rác thải, nước thải giảm lần lượt (-5,00%) và (-0,13%); hoạt động khai khoáng trong tháng tăng 0,92% so với tháng trước nhưng tăng gần 4,9 lần so với tháng cùng kỳ năm 2023. Nguyên nhân nhóm ngành công nghiệp sản xuất và phân phối điện; cung cấp nước, quản lý và xử lý rác thải, nước thải có chỉ số giảm so với tháng trước là do yếu tố giao mùa nên nhu cầu tiêu thụ trong dân có xu hướng giảm, mặt khác việc một vài nhà máy lớn lên kế hoạch tạm ngừng sản xuất để bảo dưỡng máy móc đã làm giảm chỉ số tiêu thụ của ngành sản xuất và phân phối điện trên địa bàn.

Nhờ đàm phán, ký kết được một số hợp đồng có giá trị lớn nên dự kiến tháng 10 năm 2024 một số ngành đạt chỉ số tăng trưởng so với cùng kỳ khá ấn tượng, điển hình như: ngành sản xuất sản phẩm từ cao su và plastic (+40,21%); sản xuất sản phẩm từ kim loại đúc sẵn (+45,75%); sản xuất phương tiện vận tải cụ thể là ngành công nghiệp đóng tàu thủy (+74,22%). Bên cạnh đó vẫn còn một số ngành hàng sụt giảm liên tiếp trong nhiều tháng qua do đơn hàng tiêu thụ không ổn định, như: sản xuất giấy và sản phẩm từ giấy; sản xuất sản phẩm thuốc lá; sản xuất kim loại.

Tính chung 10 tháng năm 2024, chỉ số IIP toàn ngành công nghiệp tăng 5,99% so với cùng kỳ năm 2023. Trong đó, nhóm ngành công nghiệp chế biến, chế tạo trong những tháng gần đây có tín hiệu phục hồi khá tích cực, đạt mức tăng cao hơn chỉ số toàn ngành (+6,13%). Một số ngành đóng góp đáng kể vào sự tăng trưởng của lĩnh vực chế biến, chế tạo phải kể đến như: dệt (+34,01%); sản xuất đồ uống (+12,84%); sản xuất sản phẩm từ cao su và plastic (+13,35%); sản xuất sản phẩm từ kim loại đúc sẵn (+17,86%); sản xuất máy móc, thiết bị (động cơ 1 chiều; bộ lọc dầu...) (+16,26%); sản xuất phương tiện vận tải (+7,13%)... Hoạt động sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hòa tiếp tục giữ vững tốc độ tăng so với cùng kỳ nhưng có phần tăng chậm lại khi các ngành dịch vụ đang dần bước sang mùa thấp điểm. Nhóm ngành hoạt động cung cấp nước, quản lý, xử lý rác thải, nước thải dự kiến 10 tháng tăng 2,79% và có xu hướng giảm dần vào thời điểm cuối năm do nhu cầu trong dân và các đơn vị sản xuất kinh doanh giảm bởi yếu tố mùa vụ.

Sản phẩm công nghiệp chủ yếu: hoạt động tiêu thụ trong nước và xuất khẩu một số mặt hàng chủ lực có xu hướng gia tăng trong những tháng cuối năm là cơ sở để doanh nghiệp gia tăng khối lượng sản xuất sản phẩm trong kỳ. Trong tháng 10 năm 2024 một số sản phẩm chủ lực có mức tăng cao so với cùng kỳ phải kể đến như: vải

dệt thoi từ sợi bông có tỷ trọng bông từ 85% trở lên (+15,44%); bia lon các loại (+26,07%); lốp hơi mới bằng cao su (+40,21%); cấu kiện nhà lắp sẵn bằng kim loại (+78,72%); tàu các loại (+74,22%)... Ở chiều ngược lại, cũng có nhiều sản phẩm có mức giảm sâu trong tháng 10 năm 2024 cụ thể như: lưới đánh cá (-16,07%) ảnh hưởng từ trận bão Yagi làm nhiều tàu thuyền đánh bắt ở các tỉnh phía Bắc bị hư hại, không thể vươn khơi kéo theo hợp đồng xuất bán công cụ đánh bắt của doanh nghiệp sản xuất ngư lưới cụ sụt giảm; dược phẩm khác chưa được phân vào đầu (-49,82%); sắt, thép không hợp kim dạng thỏi đúc hoặc dạng thô khác (-34,54%) do có 01 doanh nghiệp lớn gián đoạn thời gian sản xuất để bảo dưỡng nhà máy; van an toàn hay van xả (-20,15%);...

Tính chung 10 tháng năm 2024, một số mặt hàng chủ lực đạt chỉ số tăng cao như: bia lon các loại (+16,64%); thịt, cá đông lạnh (+28,37%); vải dệt thoi từ sợi bông có tỷ trọng bông từ 85% trở lên (+67,34%); cấu kiện nhà lắp sẵn bằng kim loại (+76,79%); dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng máy bay và tàu vũ trụ (+62,37%)... Đồng thời có một số sản phẩm có sản lượng giảm sâu so với cùng kỳ trong 10 tháng năm 2024, cụ thể: gạch và gạch khối xây dựng bằng xi măng, bê tông hoặc đá nhân tạo (-53,44%); đồ chơi hình con vật hoặc sinh vật không phải hình người (-70,82%); van an toàn hay van xả (-51,04%); tai nghe khác (-22,05%)...

Chỉ số tiêu thụ toàn ngành công nghiệp chế biến, chế tạo dự kiến tháng 10 năm 2024 giảm 2,15% so với tháng trước nhưng tăng 12,92% so với cùng kỳ năm 2023. Tính chung 10 tháng năm 2024, chỉ số tiêu thụ toàn ngành công nghiệp chế biến chế tạo ước tăng 6,59% so với cùng kỳ năm 2023. Trong đó, một số ngành có chỉ số tiêu thụ tăng cao, góp phần vào mức tăng chung như: dệt (+25,69%); sản xuất sản phẩm từ cao su và plastic (+27,60%); sản xuất sản phẩm từ kim loại đúc sẵn (+14,20%); sản xuất sản phẩm từ khoáng phi kim loại khác (+12,80%)... Bên cạnh đó một số mặt hàng tiếp tục có khối lượng sản xuất và tiêu thụ trong 10 tháng năm 2024 giảm trên 10%, điển hình như: sản xuất thuốc, hoá dược và dược (-11,00%); sản xuất sản phẩm điện tử, máy vi tính và sản phẩm quang học (-10,82%); công nghiệp chế biến, chế tạo khác (-15,56%)...

Chỉ số tồn kho ngành chế biến, chế tạo dự tính thời điểm cuối tháng 10 năm 2024 tăng 1,29% so với cuối tháng trước và tăng 3,84% cùng kỳ năm 2023. Trong đó, một số ngành nhờ có đơn hàng tiêu thụ thường xuyên, đồng thời doanh nghiệp cân đối lại khối lượng sản xuất theo đơn đặt hàng nên mức tồn kho thấp hơn mức bình quân chung so với tháng cùng kỳ, điển hình: sản xuất sản phẩm từ khoáng phi kim loại (-47,08%); sản xuất trang phục (-37,01%); sản xuất chế biến thực phẩm (-25,95%); sản xuất kim loại (-21,76%)... Một số ngành có mức tồn kho tăng cao do đơn hàng không ổn định, như: sản xuất hóa chất và sản phẩm hóa chất (+31,92%); sản xuất sản phẩm điện tử, máy tính và sản phẩm quang học (+11,00%); sản xuất giường, tủ, bàn, ghế (+178,17%)... Nhưng cũng có một số nhóm sản phẩm, để đảm bảo đơn đặt hàng xuất kho tiêu thụ trong thời gian đến, doanh nghiệp đã đẩy mạnh sản xuất nên khối lượng hàng tồn kho khá cao, điển hình như: dệt (+143,56%); sản xuất sản phẩm từ kim loại đúc sẵn (+21,32%); sản xuất xe có động cơ (+18,48%)...

Chỉ số sử dụng lao động toàn ngành công nghiệp tháng 10 năm 2024 ước tăng lần lượt 0,32% so với tháng trước và tăng 4,50% so với tháng cùng kỳ năm 2023. Tính chung 10 tháng năm 2024 chỉ số sử dụng lao động tăng nhẹ 0,80% so với cùng kỳ, trong đó, khu vực doanh nghiệp nhà nước và khu vực có vốn đầu tư nước ngoài tăng lần lượt (+6,30%) và (+2,85%); khu vực ngoài nhà nước giảm 2,75%.

3. Thương mại và dịch vụ

Nhu cầu tiêu dùng và sản xuất trong nước phục hồi; sự tăng trưởng mạnh mẽ của du lịch đã đóng góp tích cực vào tăng trưởng của ngành thương mại dịch vụ trong mười tháng năm 2024. Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng tháng 10/2024 ước đạt 11.728,2 tỷ đồng, giảm 0,5% so với tháng trước và tăng 17,9% so với cùng kỳ năm trước. Tính chung 10 tháng năm 2024, tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng ước đạt 114.267,5 tỷ đồng, tăng 14,1% so với cùng kỳ năm trước, trong đó, doanh thu du lịch lữ hành tăng cao nhất với 36,5%.

3.1. Lĩnh vực thương mại hàng hóa

Doanh thu bán lẻ hàng hóa tháng 10/2024 ước đạt 6.399,1 tỷ đồng, tăng 2,0% so với tháng trước và tăng 13,8% so với cùng kỳ năm 2023. So với cùng kỳ năm 2023, doanh thu của 11/12 nhóm hàng tăng, trong đó có 5 nhóm hàng tăng cao hơn mức tăng bình quân chung. Các chính sách giảm 50% lệ phí trước bạ đối với ô tô sản xuất, lắp ráp trong nước, góp phần kích cầu tiêu dùng đối với mặt hàng ô tô, hỗ trợ tài chính cho người dân, tạo đà để phục hồi tăng trưởng; một số nhóm hàng có liên quan tăng cao so với cùng kỳ, đó là: phương tiện đi lại trừ ô tô và phụ tùng (+76,4%); ô tô các loại (+48,4%); sửa chữa xe có động cơ (+32,1%). Ngoài ra, một số nhóm hàng hóa khác cũng tăng khá cao phải kể đến như: gỗ và vật liệu xây dựng (+30,7%); lương thực thực phẩm (+21,5%). Ở chiều ngược lại, do sự biến động khó lường của thị trường vàng nên doanh thu nhóm hàng đá quý, kim loại quý giảm 38,2% so với cùng kỳ. Trong thời gian qua, số lượng giao dịch vàng giảm, đặc biệt là vàng miếng, đây là dấu hiệu cho thấy sự thận trọng của người tiêu dùng và điều chỉnh của thị trường, cũng như tác động của chính sách quản lý của Nhà nước đối với tài sản này.

Ước tính 10 tháng năm 2024, doanh thu bán lẻ hàng hóa ước đạt 61.992,5 tỷ đồng, chiếm 54,3% tổng mức và tăng 12,4% so với cùng kỳ năm trước. Trong tổng số 12 nhóm hàng có mức tăng so với cùng kỳ thì có 4/12 nhóm hàng có doanh thu tăng cao hơn mức bình quân chung bao gồm: gỗ và vật liệu xây dựng (+20,9%); vật phẩm văn hoá, giáo dục (+20,5%); lương thực thực phẩm (+16,5%); sửa chữa xe có động cơ (+14,4%).

Doanh thu bán buôn hàng hóa tháng 10/2024 ước đạt 13.569,4 tỷ đồng, tăng 1,8% so với tháng trước, tăng 11,5% so với tháng cùng kỳ năm trước. Tính chung 10 tháng năm 2024, tổng mức bán buôn ước đạt 130.154,1 tỷ đồng, tăng 15,9% so với cùng kỳ. Tất cả các nhóm hàng hóa đều tăng, trong đó 6 nhóm tăng cao hơn mức tăng bình quân chung như: ô tô các loại (+49,9%); xăng, dầu các loại (+38,1%); phương tiện đi lại trừ ô tô và phụ tùng (+33,7%); phân bón thuốc trừ sâu

(+31,8%); đồ dùng, dụng cụ, trang thiết bị gia đình (+25,8%); nhiên liệu khác trừ xăng dầu (+17,8%).

3.2. Hoạt động du lịch

Tháng 10/2024, hoạt động du lịch đã đi qua mùa cao điểm, đặc biệt đối với khách nội địa do điều kiện thời tiết không thuận lợi; học sinh, sinh viên đã vào năm học chính thức... Nhu cầu du lịch giảm dần đến doanh thu lưu trú, lễ hành trong tháng này giảm so với tháng trước. Tính chung 10 tháng năm 2024, các chương trình quảng bá, xúc tiến du lịch được đẩy mạnh, đồng thời các chính sách thị thực thuận lợi, đổi mới đã thu hút khách quốc tế đến Đà Nẵng tăng cao so với cùng kỳ năm trước.

a) Dịch vụ lưu trú và ăn uống

Hoạt động du lịch trên địa bàn thành phố Đà Nẵng đang trên đà phát triển mạnh mẽ. Đà Nẵng tiếp tục tổ chức một số sự kiện, chương trình văn hóa, văn nghệ, thể thao nhằm đẩy mạnh hơn nữa kết quả phát triển du lịch trên địa bàn thành phố. Điển hình là các hoạt động, như: giải đua thuyền Buồm vô địch và vô địch trẻ quốc gia; giải Ván chèo đứng vô địch trẻ quốc gia và cúp các câu lạc bộ toàn quốc tại khu vực bãi biển Thanh Khê; chương trình Lễ hội bia Đức và giao lưu văn hóa, ẩm thực nhân kỷ niệm thiết lập quan hệ ngoại giao Việt Nam - Đức; tuần lễ nhà hàng Việt Nam do đơn vị DiningCity Asia mở rộng sự kiện Tuần lễ nhà hàng đến Việt Nam đối với ba thành phố lớn là Hà Nội, Đà Nẵng và Hồ Chí Minh...

Doanh thu dịch vụ lưu trú, ăn uống tháng 10/2024 ước đạt 2.154,7 tỷ đồng, giảm 3,2% so với tháng trước và tăng 20,4% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, doanh thu dịch vụ lưu trú ước đạt 765,1 tỷ đồng, giảm 7,9% so với tháng trước và tăng 27,3% so với cùng kỳ năm 2023; doanh thu dịch vụ ăn uống ước đạt 1.389,6 tỷ đồng, giảm 0,3% so với tháng trước và tăng 16,9% so với cùng kỳ năm 2023.

Tính chung 10 tháng năm 2024, doanh thu dịch vụ lưu trú và ăn uống ước đạt 22.561,6 tỷ đồng, chiếm 19,7% tổng mức và tăng 21,7% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, doanh thu lưu trú 10 tháng ước đạt 8.450,8 tỷ đồng tăng 31,5%; doanh thu dịch vụ ăn uống ước đạt 14.110,7 tỷ đồng, tăng 16,5% so với cùng kỳ.

Tổng số lượt khách phục vụ tại các cơ sở lưu trú trong tháng 10 năm 2024 ước đạt 752,1 nghìn lượt, giảm 11,6% so với tháng trước và tăng 36,0% so với tháng cùng kỳ năm 2023. Trong đó, khách quốc tế ước đạt 320,8 nghìn lượt, giảm 4,5% so với tháng trước và tăng 52,1% so với tháng cùng kỳ; khách trong nước 431,3 nghìn lượt, giảm 16,3% so với tháng trước và tăng 26,0% so với cùng kỳ.

Tính chung 10 tháng năm 2024, tổng lượt khách cơ sở lưu trú phục vụ ước gần 9,3 triệu lượt, tăng 31,7% so với cùng kỳ năm 2023. Trong đó, khách quốc tế ước gần 3,5 triệu lượt, tăng 31,2%; khách trong nước đạt 5,8 triệu lượt, tăng 32,0% so với cùng kỳ năm 2023.

Lượt khách ngủ qua đêm 10 tháng năm 2024 ước gần 7,0 triệu lượt, tăng 26,1%, trong đó khách quốc tế ngủ qua đêm ước đạt 3,3 triệu lượt, tăng 29,4%; lượt

khách nghỉ trong ngày ước đạt 2,3 triệu lượt tăng 51,8%, trong đó khách quốc tế nghỉ trong ngày ước đạt 198,1 nghìn lượt, tăng 69,8% so với cùng kỳ năm 2023.

Số ngày lưu trú bình quân của khách ngủ qua đêm tính chung 10 tháng là 1,48 ngày/lượt, trong đó khách quốc tế là 1,54 ngày/lượt; khách trong nước là 1,43 ngày/lượt (cùng kỳ năm 2023: 1,32 ngày/lượt đối với khách chung; 1,55 ngày/lượt đối với quốc tế và 1,12 ngày/lượt đối với khách trong nước).

b) Hoạt động lữ hành và các dịch vụ hỗ trợ du lịch

Bên cạnh việc tổ chức các sự kiện, chương trình hấp dẫn nhằm thu hút du khách, Đà Nẵng luôn quan tâm, chú trọng vào công tác truyền thông để tăng cường quảng bá và kết nối, đáp ứng thị hiếu thay đổi của thị trường du lịch. Trong đó, tập trung giới thiệu đến khách tham quan các sản phẩm, chương trình thu hút khách du lịch. Đồng thời, đây cũng là cơ hội gặp gỡ các đối tác lữ hành, công ty tổ chức sự kiện trong nước và quốc tế để cùng trao đổi, tìm hiểu xu hướng thị trường nhằm xây dựng kế hoạch xúc tiến, thu hút khách du lịch đến với Đà Nẵng trong thời gian sắp đến.

Doanh thu dịch vụ du lịch lữ hành tháng 10/2024 ước đạt 524,2 tỷ đồng, giảm 13,3% so với tháng trước và tăng 1,9% so với cùng kỳ năm 2023. Tính chung 10 tháng năm 2024, doanh thu ước đạt 6.226,1 tỷ đồng, chiếm 5,4% tổng mức và tăng 36,5% so với cùng kỳ năm 2023.

Số lượt khách du lịch theo tour do cơ sở lữ hành phục vụ trong tháng 10/2024 ước gần 110,0 nghìn lượt, giảm 14,8% so với tháng trước và tăng 12,8% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, số lượng khách quốc tế theo tour đến Đà Nẵng tháng 10/2024 ước đạt 43,6 nghìn lượt người, giảm 5,0% so với tháng trước và tăng 6,4% so với cùng kỳ năm trước. Tính chung 10 tháng năm 2024, lượt khách du lịch theo tour ước đạt 1.243,8 nghìn lượt, tăng 10,3% so với cùng kỳ năm 2023. Trong đó, khách quốc tế tăng 40,0%; khách trong nước giảm 2,0% và khách Việt Nam đi du lịch nước ngoài tăng 27,4% so với cùng kỳ năm trước.

3.3. Dịch vụ tiêu dùng khác

Doanh thu dịch vụ tiêu dùng khác tháng 10 năm 2024 ước đạt 2.650,2 tỷ đồng, giảm 1,4% so với tháng trước và tăng 31,1% so với cùng kỳ năm trước. Tính chung 10 tháng năm 2024, doanh thu nhóm ngành này ước đạt 23.487,3 tỷ đồng, chiếm 20,6% tổng mức và tăng 7,3% so với cùng kỳ. Các nhóm ngành dịch vụ có doanh thu tăng cao so với cùng kỳ năm trước gồm: dịch vụ y tế và hoạt động trợ giúp xã hội (+23,5%); dịch vụ nghệ thuật, vui chơi và giải trí (+22,6%); dịch vụ giáo dục và đào tạo (+22,2%); dịch vụ khác (+8,6%).

Ở chiều ngược lại, doanh thu kinh doanh bất động sản tính cho tiêu dùng đạt 3.019,1 tỷ đồng, giảm 22,8%; dịch vụ hành chính và dịch vụ hỗ trợ đạt 5.224,7 tỷ đồng, giảm 1,7% so với cùng kỳ. Từ cuối quý 2/2024 đến nay, được sự quan tâm của lãnh đạo thành phố cũng như các sở, ban, ngành trong việc tháo gỡ các vướng mắc về pháp lý, nguồn vốn... thị trường bất động sản đang có dấu hiệu phục hồi, bắt đầu phát sinh nhiều giao dịch thành công.

Nhìn chung, thị trường bất động sản Đà Nẵng đang có những cơ hội phát triển, với sự dịch chuyển tích cực của chung cư và sự tăng trưởng bền vững của đất nền và nhà riêng. Kỳ vọng trong thời gian tới thị trường bất động sản Đà Nẵng sẽ đón nhận những tín hiệu tích cực, Quốc hội đã thông qua Nghị quyết về tổ chức chính quyền đô thị và thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển thành phố Đà Nẵng. Quốc hội cũng đồng ý thành lập khu thương mại tự do Đà Nẵng - mô hình không còn mới với thế giới nhưng lần đầu có ở Việt Nam. Các thông tin tích cực này và tín hiệu khả quan từ lĩnh vực du lịch sẽ làm gia tăng sự quan tâm của nhà đầu tư đối với thị trường bất động sản Đà Nẵng.

3.4. Dịch vụ vận tải, kho bãi; bưu chính và chuyển phát

Tháng 10/2024, nhu cầu đi lại của người dân và du khách có dấu hiệu hạ nhiệt so với những tháng đầu năm và những tháng hè năm 2024. Nhìn chung 10 tháng năm 2024, hoạt động vận tải, bưu chính và chuyển phát đáp ứng nhu cầu đi lại của người dân, vận chuyển hàng hóa cơ bản đảm bảo phục vụ sản xuất, xuất khẩu và tiêu dùng trên địa bàn thành phố.

Tổng doanh thu toàn ngành vận tải và bưu chính, chuyển phát¹ tháng 10/2024 ước đạt 1.894,6 tỷ đồng, giảm 1,7% so với tháng trước và tăng 16,2% so với cùng kỳ năm 2023. Tính chung 10 tháng năm 2024, tổng doanh thu toàn ngành ước đạt 19.630,2 tỷ đồng, tăng 23,2% so với cùng kỳ năm trước, trong đó, vận tải đường bộ ước tăng 19,6%; vận tải đường thủy tăng 9,6%; các hoạt động hỗ trợ cho vận tải tăng 27,6%; bưu chính và chuyển phát tăng 8,7%.

a) Vận tải hành khách

Doanh thu vận tải hành khách bằng đường bộ, đường thủy tháng 10/2024 ước đạt 127,5 tỷ đồng, giảm 0,9% so với tháng trước, tăng 5,1% so với cùng kỳ năm trước. Trong tháng, một số doanh nghiệp có tốc độ tăng trưởng về doanh thu khá cao so với cùng kỳ như: công ty TNHH liên hợp vận tải và du lịch Vitracco tăng 19,7%; công ty TNHH MTV Mai Linh Đà Nẵng tăng 18,3%, công ty TNHH vận tải du lịch và dịch vụ thương mại Long Hiền tăng 18,3%, đặc biệt công ty CP dịch vụ cáp treo Bà Nà chiếm tỷ trọng lớn nhất và có tốc độ tăng 16,7%. Tính chung 10 tháng năm 2024, doanh thu vận tải hành khách của hai loại đường này ước đạt 1.470,4 tỷ đồng, tăng 17,2% so với cùng kỳ năm trước.

Khối lượng vận chuyển hành khách bằng đường bộ, đường thủy tháng 10/2024 ước gần 2,3 triệu lượt, giảm 2,3% so với tháng trước và tăng 1,5% so với cùng kỳ năm trước. Khối lượng luân chuyển hành khách bằng đường bộ, đường thủy ước đạt 69,4 triệu lượt HK.km, giảm 2,6% so với tháng trước và tăng 2,1% so với cùng kỳ năm trước. Lũy kế 10 tháng năm 2024, vận chuyển hành khách ước đạt 24,3 triệu lượt, tăng 11,2% so với cùng kỳ; luân chuyển hành khách ước đạt 791,8 triệu lượt HK.km, tăng 14,8%, trong đó đường thủy tăng 20,6% và đường bộ tăng 14,7%.

b) Vận tải hàng hóa

¹ Chưa bao gồm vận tải hàng không, đường sắt

Doanh thu vận tải hàng hóa bằng đường bộ, đường thủy tháng 10/2024 ước đạt 712,4 tỷ đồng, giảm 2,1% so với tháng trước, tăng 12,2% so với cùng kỳ năm trước đã góp phần làm cho doanh thu ngành vận tải tháng 10/2024 đạt tốc độ tăng trưởng trên hai con số so với cùng kỳ năm 2023². Tính chung 10 tháng năm 2024, doanh thu ước đạt 7.397,2 tỷ đồng, tăng 20,1% so với cùng kỳ năm 2023.

Khối lượng hàng hóa vận chuyển bằng đường bộ, đường thủy tháng 10/2024 ước đạt 4,2 triệu tấn, giảm 2,1% so với tháng trước và tăng 19,7% so với cùng kỳ. Khối lượng hàng hóa luân chuyển đường bộ, đường thủy ước đạt 417,7 triệu tấn.km, giảm 2,0% so với tháng trước và tăng 15,3% so với cùng kỳ năm trước. Tính chung 10 tháng năm 2024, vận tải hàng hóa ước đạt 44,8 triệu tấn hàng hóa vận chuyển, tăng 18,6% so với cùng kỳ năm trước và khối lượng hàng hóa luân chuyển ước đạt 4.360,6 triệu tấn.km, tăng 17,3% so với cùng kỳ năm trước.

c) Kho bãi và dịch vụ hỗ trợ vận tải; dịch vụ bưu chính và chuyển phát

Hoạt động dịch vụ bưu chính trên địa bàn thành phố Đà Nẵng đang được cải tiến với việc áp dụng công nghệ theo dõi và quản lý đơn hàng. Các công ty cung cấp dịch vụ logistics tích hợp bao gồm kho bãi - vận tải - dịch vụ chuyển phát, đầu tư vào việc mở rộng và nâng cấp hệ thống kho bãi để đáp ứng nhu cầu lưu trữ hàng hóa ngày càng cao.

Tháng 10/2024, doanh thu hoạt động kho bãi và hỗ trợ vận tải ước đạt 988,5 tỷ đồng, giảm 1,9% so với tháng trước, tăng 21,0% so với cùng kỳ năm 2023. Tính chung doanh thu 10 tháng năm 2024 ước đạt 10.156,9 tỷ đồng tăng 27,6% so với cùng kỳ năm trước.

Tháng 10/2024, doanh thu hoạt động bưu chính và chuyển phát ước đạt 66,2 tỷ đồng, tăng lần lượt 3,0% và 16,3% so với tháng trước và cùng kỳ năm trước. Tính chung 10 tháng năm 2024, doanh thu hoạt động bưu chính và chuyển phát ước đạt 605,6 tỷ đồng, tăng 8,7% so với cùng kỳ năm 2023.

4. Tình hình đăng ký doanh nghiệp

Trong tháng 10/2024 (tính đến 25/10/2024), thành phố đã cấp mới giấy chứng nhận đăng ký cho 347 doanh nghiệp, chi nhánh và văn phòng đại diện với tổng vốn điều lệ đăng ký đạt 1.176 tỷ đồng, giảm 5,2% về số doanh nghiệp và giảm 39,5% về vốn đăng ký mới so với cùng kỳ năm 2023 (cùng kỳ năm 2023 có 366 doanh nghiệp đăng ký mới với vốn đăng ký đạt 1.943 tỷ đồng).

Lũy kế 10 tháng năm 2024 (tính đến 25/10/2024), thành phố đã cấp mới giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp cho 3.372 doanh nghiệp, chi nhánh và văn phòng đại diện, tổng vốn điều lệ đăng ký đạt 11.344 tỷ đồng, giảm 5,9% về số doanh nghiệp và giảm 27,2% về vốn đăng ký so với cùng kỳ 2023 (10 tháng năm 2023 có 3.582 doanh nghiệp với vốn đăng ký 15.582 tỷ đồng). Số lượng doanh nghiệp quay trở lại hoạt động tăng 1,2% so với cùng kỳ năm 2023 (tương đương với 1.551 doanh nghiệp và đơn vị trực thuộc so với 1.533 doanh nghiệp và đơn vị trực thuộc cùng kỳ năm

² Trong tháng, một số doanh nghiệp vận tải hàng hóa có doanh thu đạt mức tăng ấn tượng như: chi nhánh Công ty cổ phần dịch vụ vận tải thương mại Việt Hoa tăng 168,8%; công ty TNHH Đức Long logistics tăng 330,5%; công ty cổ phần CONTAINER Miền trung tăng 102,4%, công ty CP D.E.B.I.O tăng 126,9%...

2023); doanh nghiệp đăng ký tạm ngừng hoạt động vẫn tiếp tục tăng 9,8% so với cùng kỳ (tương đương 4.025 doanh nghiệp và đơn vị trực thuộc so với 3.666 doanh nghiệp và đơn vị trực thuộc năm 2023). Cũng trong 10 tháng năm 2024, toàn thành phố có 610 doanh nghiệp, chi nhánh và văn phòng đại diện hoàn tất thủ tục giải thể, rút lui khỏi thị trường, tăng 9,1% so với cùng kỳ năm 2023 (cùng kỳ năm 2023 có 559 doanh nghiệp và đơn vị trực thuộc rút lui khỏi thị trường).

5. Chỉ số giá tiêu dùng, chỉ số giá vàng và chỉ số giá đô la Mỹ

5.1. Chỉ số giá tiêu dùng

Nhìn chung, giá cả các mặt hàng trong tháng 10 năm 2024 biến động không đáng kể so với tháng trước. Giá xăng dầu, giá gas tăng do các đợt điều chỉnh trong tháng; giá dịch vụ giao thông công cộng, giá vàng tư nhân, giá một số mặt hàng lương thực, thực phẩm tiếp tục tăng là các nguyên nhân chính làm chỉ số giá CPI trong tháng 10 tăng 0,19% so với tháng trước, tăng 2,86% so với cùng kỳ năm trước, tăng 3,32% so với tháng 12 năm trước. CPI bình quân 10 tháng năm 2024 tăng 3,00% so với bình quân cùng kỳ năm 2023.

Trong mức tăng 0,19% của CPI tháng 10/2024 so với tháng trước, 08 nhóm hàng có chỉ số giá tăng, 02 nhóm hàng hóa và dịch vụ có chỉ số giá giảm và 01 nhóm có chỉ số bình ổn so với tháng trước.

(1) 8/11 nhóm hàng hóa và dịch vụ có chỉ số giá trước so với tháng trước gồm:

- *Nhóm giao thông tăng mạnh nhất với 0,68%, nguyên nhân chính là do nhiên liệu tăng 0,96%, trong đó xăng tăng 1,00%, dầu diesel tăng 2,27% do các đợt điều chỉnh xăng dầu trong tháng của tập đoàn xăng dầu Việt Nam; phụ tùng tăng 0,22%, trong đó lốp săm xe máy tăng 0,64%, phụ tùng khác của xe máy tăng 0,1%, lốp săm xe đạp tăng 2,92%; bảo dưỡng phương tiện đi lại tăng 1,58%. Đặc biệt, dịch vụ giao thông công cộng tăng mạnh với 14,22% so với tháng trước, trong đó dịch vụ vận tải hành khách bằng đường hàng không tăng cao 32,75% do sự điều chỉnh giá bán vé của các đơn vị có liên quan. Ngược lại, phương tiện đi lại giảm 0,73% so với tháng trước do một số cửa hàng áp dụng giá khuyến mãi đối với một số sản phẩm xe máy, ô tô.*

- *Nhóm hàng ăn và dịch vụ ăn uống tăng 0,33%, trong đó, lương thực tăng 1,05%³, thực phẩm tăng 0,57%⁴.*

³ *Lương thực (+1,05%), trong đó chỉ số giá nhóm gạo tăng 1,27% do nguồn cung tương đối khan hàng. Đồng thời, bột mỳ và ngũ cốc khác cũng tăng 2,94% (ngô, khoai, sắn tăng giá do hết mùa vụ), lương thực chế biến tăng 0,22% do giá lương thực tăng và một số mặt hàng có chi phí nguyên vật liệu đầu vào dùng để sản xuất tăng giá.*

⁴ *Thực phẩm (+0,57%), trong đó thịt gia súc tăng 0,21%, thịt lợn tăng 0,54% do ảnh hưởng dịch tả lợn Châu Phi nên nguồn cung tương đối ít; thịt chế biến tăng 0,34% do các sản phẩm này được sản xuất chủ yếu từ gia súc. Thịt gia cầm tăng 0,3%, trứng các loại cũng tăng 0,19%. Thủy sản tươi sống và thủy sản chế biến lần lượt tăng 0,03% và 0,77%. Rau tươi khô và chế biến tăng 2,79% do thời tiết không thuận lợi, một số mặt hàng có sản lượng thu hoạch ít hoặc các cửa hàng kinh doanh hết áp dụng chương trình khuyến mãi nên giá thành tăng, trong đó: bắp cải, su hào lần lượt tăng 11,36% và 10,83%, rau muống tăng 1,55%, đỗ quả tươi tăng 2,48%, rau tươi khác tăng 5,3%, rau chế biến các loại tăng 5,06%... Quả tươi chế biến cũng tăng 1,85% do một số loại trái cây hết mùa vụ thu hoạch. Dầu mỡ ăn và chất béo tăng 1,09%, nước mắm nước chấm tăng 0,28%, đồ gia vị tăng 0,08%, đường mật tăng 0,33%... do chi phí nguyên vật liệu đầu vào dùng để sản xuất tăng giá. Chè, cafe, cacao tăng 0,41% so với tháng trước.*

- *Nhóm thiết bị và đồ dùng gia đình* tăng 0,29% tập trung chủ yếu ở các mặt hàng điện tử như đồ điện tăng 0,48%, đồ dùng bằng kim loại tăng 0,14%, đồ nhựa và cao su tăng 2,9%, xà phòng và chất tẩy rửa tăng 1,14%. Ngược lại, một số mặt hàng được áp dụng các chương trình khuyến mãi ưu đãi nên có giá giảm như: các mặt hàng thiết bị trong gia đình giảm 1,37%, cụ thể tủ lạnh giảm 1,99%, máy giặt giảm 2,84%, thiết bị khác giảm 1,41%; đồ dùng nấu ăn giảm 0,89%, như: nồi cơm điện giảm 2%, lò vi sóng, lò nướng giảm 2,27%, ấm nước phích điện giảm 0,53%. Giường tủ bàn ghế giảm 0,68% so với tháng trước.

- *Nhóm hàng hóa và dịch vụ khác* tăng 0,25%, tập trung chủ yếu ở nhóm đồ dùng cá nhân tăng 1,08% (do đồ trang sức tăng 5,81% tăng theo giá vàng tư nhân).

- *Nhóm thuốc và dịch vụ y tế* tăng 0,15%, tập trung chủ yếu ở một số loại thuốc (thuốc tim mạch, thuốc giảm đau, thuốc đường tiêu hóa, một số mặt hàng khác lần lượt tăng 0,06%, 0,43%, 0,16% và 1,31%) tăng giá so với tháng trước do chi phí đầu vào dùng để sản xuất thuốc tăng.

- *Nhóm đồ uống và thuốc lá* tăng 0,15%. Trong đó, rượu các loại tăng 1,40%, bia các loại tăng 0,36%... do chi phí nguyên vật liệu đầu vào tăng giá so với tháng trước. Ở chiều ngược lại, một số mặt hàng có giá giảm do được áp dụng các chương trình khuyến mãi: nước khoáng và nước có gas giảm 0,59% (nước giải khát có ga giảm 1,23%, nước quả ép giảm 0,21%, nước uống tăng lực giảm 0,73%).

- *Nhóm nhà ở, điện nước, chất đốt và vật liệu xây dựng* tăng 0,11% chủ yếu do giá gas tăng 5 nghìn đồng/1kg, tăng 1,09% so với tháng trước theo sự điều tiết của công ty gas Petrolimex. Giá dầu hỏa tăng 1,00% trong các đợt điều chỉnh xăng dầu. Giá nhà ở thuê tăng 0,77% do một số cơ sở cho thuê nhà tăng giá theo tình hình giá trên thị trường chung. Nước sinh hoạt tăng 0,13% do nhu cầu tiêu dùng của người dân tăng. Ngược lại, vật liệu bảo dưỡng nhà ở giảm 0,3% do nhu cầu xây dựng ở tháng này không còn cao, nguồn cung tương đối ổn định nên giá thành vật liệu xây dựng hạ. Giá điện giảm 2,71%, đã hết mùa nắng nóng nên nhu cầu sử dụng các thiết bị điện của người dân giảm.

- *Nhóm may mặc, mũ nón giày dép* tăng 0,02%, do chi phí nguyên vật liệu đầu vào và chi phí vận chuyển tăng giá làm cho giá quần áo may sẵn tăng 0,02%, mũ nón tăng 0,18% so với tháng trước.

(2) Có 2/11 nhóm hàng hóa và dịch vụ có chỉ số giá giảm so với tháng trước gồm:

- *Nhóm bưu chính viễn thông* giảm 0,36%, chủ yếu do một số loại thiết bị điện thoại thông minh giảm giá, cụ thể: máy điện thoại cố định giảm 0,38%, phụ kiện máy điện thoại giảm 0,54% so với tháng trước, nguyên nhân giảm giá là các cửa hàng đang áp dụng các chương trình khuyến mãi, kích cầu cạnh tranh để bán hàng dẫn đến giá thành sản phẩm giảm.

- *Nhóm văn hóa, giải trí và du lịch* giảm 0,63%, trong đó thiết bị văn hóa giảm 2,06%, tivi màu giảm 2,14%, đầu DVD giảm 1,83%; đồ chơi trẻ em giảm 0,31%; dịch vụ giải trí giảm 0,52% so với tháng trước. Dịch vụ du lịch trọn gói giảm 1,6%, tại thành phố Đà Nẵng đã hết mùa du lịch cao điểm trong năm, nhu cầu du lịch giảm

nên các công ty kinh doanh lĩnh vực du lịch áp dụng các chương trình khuyến mãi giảm giá để kích cầu.

(3) 1/11 nhóm hàng hóa và dịch vụ có chỉ số giá bình ổn so với tháng trước, đó là nhóm giáo dục.

CPI bình quân 10 tháng năm 2024 tăng 3,00% so với cùng kỳ năm 2023, thấp hơn mức tăng của năm trước (CPI 10 tháng năm 2023 tăng 5,52% so với cùng kỳ 2022). Trong đó, 10/11 nhóm hàng có chỉ số giá tăng và 01 nhóm hàng có chỉ số giảm so với bình quân cùng kỳ năm trước. 04/11 nhóm hàng có mức tăng bình quân cao hơn mức tăng chung là: hàng hóa và dịch vụ khác (+7,57%); thuốc và dịch vụ y tế (+6,16%); giáo dục (+4,62%); nhà ở, điện, nước, chất đốt và vật liệu xây dựng (+3,71%). 06/11 nhóm hàng có mức tăng thấp hơn mức tăng chung: hàng ăn và dịch vụ ăn uống (+2,98%); đồ uống và thuốc lá (+2,57%); may mặc mũ nón giày dép (+2,20%); văn hóa giải trí và du lịch (+1,80%); giao thông (+1,63%); thiết bị và đồ dùng gia đình (+1,18%). Ở chiều ngược lại, so với bình quân cùng kỳ năm trước, chỉ có nhóm bưu chính viễn thông có chỉ số giảm (-1,71%).

5.2. Chỉ số giá vàng và đô-la Mỹ

- Giá vàng trên thế giới liên tục tăng dẫn đến giá vàng trong nước cũng tăng theo. Tháng 10/2024, giá vàng 99,99% tư nhân dao động từ 8.200 - 8.560 nghìn đồng/1chỉ, bình quân 8.330 nghìn đồng/1chỉ, tức bình quân tăng 529 nghìn đồng/1chỉ nên chỉ số giá vàng tăng 6,77% so với tháng trước. Giá vàng bình quân 10 tháng năm 2024 tăng 29,67% so với cùng kỳ năm trước.

- Giá USD ngoại thương chuyển khoản tháng 10 năm 2024 dao động từ 2.477 - 2.543 nghìn đồng/100USD, bình quân 2.507 nghìn đồng/100USD, bình quân tăng 25,6 nghìn đồng/100USD nên chỉ số giá Đôla Mỹ tăng 1,03% so với tháng trước. Bình quân 10 tháng năm 2024, giá Đôla Mỹ tăng 5,01% so với cùng kỳ năm trước.

6. Hoạt động ngân hàng

6.1. Mặt bằng lãi suất huy động và cho vay

Trong tháng 10/2024, lãi suất huy động và lãi suất cho vay trên địa bàn phổ biến ở mức cụ thể như sau:

- Lãi suất huy động VNĐ: Lãi suất tiền gửi không kỳ hạn và dưới 01 tháng phổ biến ở mức từ 0,1% - 0,2%/năm; kỳ hạn từ 01 tháng đến dưới 06 tháng ở mức 3,3% - 4,1%/năm; kỳ hạn từ 06 tháng đến 12 tháng ở mức 4,6% - 5,5%/năm; từ trên 12 tháng ở mức 4,7% - 5,7%/năm.

- Lãi suất cho vay VNĐ: Lãi suất cho vay ngắn hạn phổ biến ở mức 6,5% - 7,0%/năm, lãi suất cho vay ngắn hạn tối đa VNĐ đối với các lĩnh vực ưu tiên là 4,0%/năm; lãi suất cho vay trung dài hạn phổ biến ở mức 8,5% - 10,0%/năm.

6.2. Tình hình hoạt động huy động vốn

Đến cuối tháng 9/2024, tổng huy động vốn của các chi nhánh tổ chức tín dụng trên địa bàn đạt 207.588 tỷ đồng, tăng 3,30% so với tháng trước, tăng 8,69% so với cuối năm 2023. Tiền gửi VND đạt 200.634 tỷ đồng, chiếm 96,65% tổng nguồn vốn,

tăng 3,37% so với tháng trước; tiền gửi ngoại tệ đạt 6.954 tỷ đồng, chiếm 3,35% tổng nguồn vốn, tăng 1,30% so với tháng trước. Tiền gửi tiết kiệm đạt 126.034 tỷ đồng, tăng 0,93% so với tháng trước; tiền gửi thanh toán đạt 81.554 tỷ đồng, tăng 7,19% so với tháng trước.

Ước đến cuối tháng 10/2024, tổng huy động vốn của các tổ chức tín dụng trên địa bàn đạt 210.000 tỷ đồng, tăng 9,95% so với cuối năm 2023. Tiền gửi VND đạt 202.800 tỷ đồng, chiếm 96,57% tổng nguồn vốn, tăng 9,44% so với cuối năm 2023; tiền gửi ngoại tệ đạt 7.200 tỷ đồng, chiếm 3,43% tổng nguồn vốn, tăng 26,52% so với cuối năm 2023. Tiền gửi tiết kiệm đạt 127.500 tỷ đồng, tăng 8,88% so với cuối năm 2023; tiền gửi thanh toán đạt 82.500 tỷ đồng, tăng 11,64% so với cuối năm 2023.

6.3. Hoạt động cho vay trên địa bàn

Đến cuối tháng 9/2024, dư nợ các thành phần kinh tế trên địa bàn đạt 225.667 tỷ đồng, tăng 1,14% so với tháng trước, tăng 2,67% so với cuối năm 2023. Dư nợ cho vay bằng đồng Việt Nam đạt 222.051 tỷ đồng, tăng 1,16% so với tháng trước; dư nợ ngoại tệ đạt 3.616 tỷ đồng, giảm 0,19% so với tháng trước. Dư nợ ngắn hạn đạt 105.724 tỷ đồng, chiếm 46,85% tổng dư nợ, tăng 2,61% so với tháng trước; dư nợ trung dài hạn đạt 119.943 tỷ đồng, chiếm 53,15% tổng dư nợ, giảm 0,13% so với tháng trước.

Ước đến cuối tháng 10/2024, dư nợ các thành phần kinh tế trên địa bàn đạt 227.500 tỷ đồng, tăng 3,51% so với cuối năm 2023. Dư nợ cho vay bằng đồng Việt Nam đạt 223.700 tỷ đồng, tăng 4,04% so với cuối năm 2023; dư nợ ngoại tệ đạt 3.800 tỷ đồng, giảm 20,70% so với cuối năm 2023. Dư nợ ngắn hạn đạt 107.000 tỷ đồng, chiếm 47,03% tổng dư nợ, tăng 6,74% so với cuối năm 2023; dư nợ trung dài hạn đạt 120.500 tỷ đồng, chiếm 52,97% tổng dư nợ, tăng 0,79% so với cuối năm 2023.

7. Ngân sách nhà nước

Chính quyền thành phố đã có những chỉ đạo quyết liệt trong công tác thu, chi ngân sách; tập trung thực hiện đồng bộ các giải pháp về thu thuế, phí và thu khác, thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất; hỗ trợ tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp và người dân, hướng dẫn, tạo điều kiện thuận lợi nhất để doanh nghiệp và người dân được thụ hưởng các chính sách hỗ trợ. Kết quả đạt được, thu ngân sách nhà nước 10 tháng năm 2024 tiếp tục đà tăng cao so với cùng kỳ năm trước.

Tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn sơ bộ đến 25/10/2024 đạt 21.064 tỷ đồng, tăng 29,5% so với cùng kỳ năm 2023, trong đó, thu ngân sách trung ương đạt 5.304 tỷ đồng, thu ngân sách địa phương đạt 15.760 tỷ đồng. Trong tổng thu ngân sách nhà nước, hoạt động thu nội địa tiếp tục chiếm tỷ trọng chủ yếu (88,5%) và là cơ sở để thực hiện cân đối các nguồn chi trong năm. Trong tổng thu nội địa, các khoản thu chiếm tỷ trọng cao gồm các khoản thu từ khu vực công thương nghiệp ngoài quốc doanh chiếm 21,4%, tăng 44,8% so với cùng kỳ năm 2023; thu từ doanh nghiệp đầu tư nước ngoài chiếm 19,2%, tăng 45,1%; thuế thu nhập cá nhân chiếm 13,4%, tăng 39,5%; các khoản thu về nhà, đất chiếm 11,8%, tăng 13,6%; thu từ doanh nghiệp nhà nước chiếm 6,0%, tăng 19,6% so với cùng kỳ năm 2023.

Tổng chi ngân sách nhà nước trên địa bàn sơ bộ đến 25/10/2024 đạt 24.626 tỷ đồng, tăng 14,3% so với cùng kỳ năm 2023, trong đó, chi đầu tư phát triển đạt 8.218 tỷ đồng, tăng 13,4%. Hoạt động chi thường xuyên đạt 16.366 tỷ đồng, tăng 14,7% so với cùng kỳ năm trước, trong đó chi quốc phòng (với tỷ trọng 24,8% trong tổng chi ngân sách) tăng 18,6%; chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề (chiếm 10,2%) tăng 23,0%; chi quản lý hành chính, Đảng, đoàn thể (chiếm 7,4%) tăng 12,8% so với cùng kỳ năm 2023.

8. Đầu tư

Ngay từ đầu năm, thành phố đã triển khai đồng bộ các giải pháp, quyết liệt khắc phục các tồn tại, hạn chế để đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án đầu tư công, đặc biệt là các dự án quan trọng, dự án phát triển hạ tầng trọng điểm có sức lan tỏa, tạo động lực phát triển kinh tế - xã hội. Tuy nhiên, công tác đầu tư công vẫn còn một số khó khăn; cụ thể, thời gian và trình tự thủ tục chuẩn bị đầu tư, phê duyệt dự án cũng như vấn đề mặt bằng không đáp ứng tiến độ thi công là hai yếu tố bất cập lớn hiện nay. Bên cạnh đó, các vướng mắc đặc thù đối với một số nhóm dự án động lực, trọng điểm như: công trình y tế có quy mô lớn, phức tạp nên trong quá trình triển khai thi công phải xử lý điều chỉnh hồ sơ thiết kế - dự toán để phù hợp với thực tế; khan hiếm nguồn vật liệu san lấp trong thời gian vừa qua, những khó khăn này có thể ảnh hưởng đến công tác thi công của các công trình trong trung và dài hạn.

8.1. Vốn đầu tư thực hiện từ nguồn ngân sách nhà nước

Dự kiến tháng 10/2024, tiến độ thực hiện các của các dự án, công trình sẽ không tăng tốc nhanh như các tháng trong quý 3/2024. Nguyên nhân là do bên cạnh các vướng mắc, khó khăn còn tồn tại, thành phố Đà Nẵng đã bắt đầu vào mùa mưa với những đợt mưa rất lớn, gây gập úng ở nhiều nơi. Theo đó, giá trị vốn đầu tư thực hiện từ nguồn ngân sách nhà nước do địa phương quản lý tháng 10/2024 ước đạt 737 tỷ đồng, tăng 1,9% so với tháng trước và tăng 8,3% so với cùng kỳ năm 2023. Trong đó, vốn ngân sách nhà nước cấp tỉnh ước đạt 715 tỷ đồng, tăng 4,2% so với tháng trước và tăng 7,3% so với cùng kỳ năm 2023; vốn ngân sách nhà nước cấp huyện ước đạt 22 tỷ đồng, giảm 41,7% so với tháng trước và tăng 54,6% so với cùng kỳ năm 2023.

Một số dự án có khối lượng thực hiện khá cao điển hình như dự án Đầu tư xây dựng Bến cảng Liên Chiểu - phần cơ sở hạ tầng dùng chung; Công trình cầu Quảng Đà và đường dẫn đầu cầu; Đường ven biển nối Cảng Liên Chiểu; Đầu tư xây dựng Nâng cấp, mở rộng cảng cá Thọ Quang (giai đoạn 2); Đầu tư xây dựng Nâng cấp Bệnh viện Phụ sản - Nhi Đà Nẵng... Bên cạnh đó, vẫn còn một số dự án công trình không hoàn thành theo đúng tiến độ hoặc chưa khởi công theo đúng kế hoạch đề ra năm 2024 như: Xây dựng Trạm xử lý nước thải Hòa Xuân (giai đoạn 3); Trung tâm Y tế quận Thanh Khê (giai đoạn 1); Khu tái định cư phục vụ giải tỏa dự án Làng Đại học; Dự án cải tạo cảnh quan vỉa hè đường Thăng Long (giai đoạn 2);...

Lũy kế 10 tháng năm 2024, ước vốn đầu tư thực hiện từ nguồn ngân sách nhà nước do địa phương quản lý đạt 5.429 tỷ đồng, đạt 62,9% kế hoạch vốn được giao và tăng 12,9% so với cùng kỳ năm 2023. Trong đó, vốn ngân sách nhà nước cấp tỉnh

ước đạt 5.232 tỷ đồng, tăng 12,5% so với cùng kỳ năm 2023; vốn ngân sách nhà nước cấp huyện ước đạt 197 tỷ đồng, tăng 24,9% so với cùng kỳ năm trước.

Xét theo cơ cấu nguồn vốn ngân sách nhà nước cấp tỉnh, lũy kế 10 tháng năm 2024, khối lượng vốn cân đối ngân sách tỉnh ước đạt 3.260 tỷ đồng; vốn trung ương hỗ trợ đầu tư theo mục tiêu ước đạt 882 tỷ đồng; xỏ số kiến thiết ước đạt 137 tỷ đồng, vốn khác ước đạt 953 tỷ đồng. Tỷ lệ đạt so với kế hoạch vốn được giao năm 2024 từ các nguồn lần lượt là 59,6%; 80,0%; 55,4% và 64,6%.

8.2. Thu hút đầu tư trong và ngoài nước

Thu hút đầu tư trong nước: từ ngày 25/9/2024 đến 25/10/2024, thành phố thu hút được 01 dự án cấp mới nằm ngoài các KCN, khu CNC, khu CNTT với tổng vốn là 1.729 tỷ đồng. Cộng dồn từ đầu năm đến 25/10/2024, thành phố đã cấp giấy chứng nhận đầu tư cho 08 dự án trong nước với tổng vốn đăng ký mới đạt 26.945 tỷ đồng; trong đó, có 06 dự án nằm ngoài KCN với tổng vốn đăng ký đạt 26.135 tỷ đồng; 02 dự án nằm trong KCN, KCNC & KCNTT với vốn đăng ký đạt 810 tỷ đồng.

Thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI): trong tháng 10/2024 (tính đến 25/10/2024) thành phố thu hút được 2,045 triệu USD vốn FDI (so với cùng năm 2023 là 8,399 triệu USD, giảm 75,7%), trong đó: cấp mới 06 dự án với vốn đăng ký là 1,767 triệu USD (cùng kỳ năm 2023 phát sinh 04 dự án với tổng vốn đầu tư đăng ký là 0,684 triệu USD); có 02 lượt dự án điều chỉnh với tổng vốn tăng 0,249 triệu USD (cùng kỳ năm 2023 phát sinh 04 dự án với vốn đầu tư đăng ký đạt 0,248 triệu USD); 01 lượt góp vốn, mua cổ phần, phần vốn góp trong tổ chức kinh tế với tổng giá trị 0,03 triệu USD (cùng kỳ năm 2023, phát sinh 07 dự án với tổng vốn đầu tư đăng ký 7,467 triệu USD).

Từ ngày 01/01/2024 đến ngày 25/10/2024, thành phố thu hút được 33,166 triệu USD vốn FDI (cùng kỳ năm 2023 đạt 180,759 triệu USD, giảm 81,7%), trong đó: cấp mới 59 dự án với vốn đăng ký là 26,644 triệu USD (cùng kỳ năm 2023 phát sinh 90 dự án cấp mới với tổng vốn đăng ký cấp mới đạt 149,626 triệu USD, giảm 82,2%); điều chỉnh tăng/giảm vốn 21 lượt dự án với tổng vốn 5,092 triệu USD (cùng kỳ năm 2023 phát sinh 33 lượt dự án với tổng vốn 20,431 triệu USD, giảm 75,1%); 18 lượt mua phần vốn góp trong tổ chức kinh tế với tổng giá trị 1,431 triệu USD (cùng kỳ năm 2023 phát sinh 33 lượt với tổng giá trị đạt 20,431 triệu USD).

8.3. Tình hình triển khai một số công trình trọng điểm

Dự án Đầu tư xây dựng Bến cảng Liên Chiểu - phần cơ sở hạ tầng dùng chung: tính từ khi khởi công đến nay, giá trị thực hiện của dự án ước đạt hơn 2.006 tỷ đồng (đạt 58,6% tổng mức đầu tư). Trước đây, dự án gặp khó khăn về nguồn cung cấp vật liệu phục vụ thi công. Nhưng đến ngày 20/7, Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Đà Nẵng đã có Công văn cho phép các mỏ nâng công suất khai thác dưới 15% công suất khai thác đã ghi trong Giấy phép khai thác khoáng sản đang còn hiệu lực, do đó nguồn cung cấp vật liệu cho dự án đã tạm thời được đáp ứng.

Dự án Đầu tư nâng cấp, cải tạo Bệnh viện Đa khoa huyện Hòa Vang: với tổng mức đầu tư 370 tỷ đồng, kế hoạch vốn được phân bổ năm 2024 là 125 tỷ đồng, giá trị

vốn đầu tư thực hiện của dự án tính từ đầu năm đến nay ước đạt 74 tỷ đồng (đạt 59,2% so với kế hoạch trong năm). Tuy nhiên, hiện nay công trình đang gặp nhiều khó khăn do mặt bằng thi công chật hẹp, vừa thi công vừa đảm bảo hoạt động của Bệnh viện.

Dự án Chung cư xã hội cho người có công với cách mạng tại đường Vũ Mộng Nguyên: dự án được đầu tư 224 tỷ đồng, xây dựng trên khu đất 3.122m², gồm khối nhà 12 tầng, 1 tầng hầm và tầng áp mái cùng các công trình hạ tầng kỹ thuật phụ trợ. Lũy kế từ khi khởi công đến nay, khối lượng thực hiện của dự án ước đạt 128 tỷ đồng (đạt 57,1% tổng mức đầu tư dự án). Trong thời gian đến, thành phố Đà Nẵng bổ sung kế hoạch kêu gọi đầu tư 5 dự án nhà ở xã hội mới (khoảng 4.500 căn hộ) trong giai đoạn 2024-2025.

Dự án Đường ven biển nối Cảng Liên Chiểu: đang được tăng ca thi công, đẩy mạnh tiến độ. Công trình phải hoàn thành trước ngày 30/12/2025 nhằm đồng bộ với công trình đầu tư bến cảng Liên Chiểu để kêu gọi nhà đầu tư triển khai đầu tư vào cảng Liên Chiểu. Theo đó, dự án có tổng mức đầu tư là 1.203 tỷ đồng, khởi công từ tháng 9/2023. Lũy kế khối lượng thi công từ đầu dự án đến nay là 391 tỷ đồng (đạt 32,5% tổng mức đầu tư dự án là hơn 1.203 tỷ đồng).

Dự án đầu tư Trường Cao đẳng Văn hóa Nghệ thuật Đà Nẵng: UBND thành phố đã ban hành Quyết định phê duyệt dự án với tổng mức đầu tư 40 tỷ đồng. Dự án nhằm tập trung đầu tư đồng bộ, hiện đại, đạt chuẩn về trang thiết bị, công cụ, công nghệ phục vụ đào tạo và quản lý đào tạo, trong đó chú trọng 3 ngành nghề trọng điểm, phấn đấu đến năm 2025 được kiểm định, đánh giá và công nhận chất lượng chương trình đạt chuẩn cấp độ quốc gia, từng bước tiếp cận chuẩn cấp độ khu vực Asean, đến năm 2030 đạt tiêu chí trường chất lượng cao. Dự án đi vào thực hiện từ tháng 10/2024 với khối lượng thực hiện ước đạt 12 tỷ đồng.

9. Xuất, nhập khẩu hàng hóa

Nhìn chung, tình hình xuất nhập khẩu trên địa bàn thành phố Đà Nẵng 10 tháng năm 2024 có những chuyển biến tích cực và đạt được nhiều kết quả khả quan. Thành phố tiếp tục nỗ lực triển khai nhiều giải pháp nhằm đẩy mạnh xuất khẩu; tháo gỡ khó khăn cho sản xuất kinh doanh; kịp thời giải quyết những vướng mắc để hỗ trợ doanh nghiệp, góp phần thúc đẩy tăng trưởng kinh tế địa phương.

Ước tính tháng 10/2024, tổng kim ngạch xuất, nhập khẩu hàng hóa hai chiều đạt 264 triệu USD, giảm 0,4% so với tháng trước và tăng 7,4% so với cùng kỳ năm 2023. Trong đó, xuất khẩu ước đạt 153 triệu USD, giảm 2,3% so với tháng trước và tăng 5,0% so với cùng kỳ năm 2023; nhập khẩu đạt 111 triệu USD, tăng 2,3% so với tháng trước và tăng 10,9% so với cùng kỳ năm trước.

Tính chung 10 tháng năm 2024, tổng kim ngạch xuất, nhập khẩu hàng hóa ước đạt 2.695 triệu USD, tăng 9,5% so với cùng kỳ năm 2023. Trong đó, xuất khẩu hàng hóa ước đạt 1.585 triệu USD, tăng 3,6%; nhập khẩu hàng hóa ước đạt 1.109 triệu USD, tăng 19,1%. Cán cân thương mại hàng hóa 10 tháng năm 2024 tiếp tục duy trì xuất siêu 476 triệu USD.

II. MỘT SỐ VẤN ĐỀ XÃ HỘI

1. Lao động và giải quyết việc làm

Trong thời gian qua, thành phố đã có các giải pháp hỗ trợ phát triển thị trường lao động, tổ chức các sàn giao dịch việc làm hoạt động hiệu quả, kết nối cung - cầu lao động trên địa bàn thành phố thông qua các phiên giao dịch việc làm định kỳ và di động. Kết quả, tính riêng tháng 10/2024, thành phố đã tổ chức được 04 phiên giao dịch việc làm; số lượt doanh nghiệp tham gia là 514 đơn vị, tổng số lượt vị trí cần tuyển tại các phiên giao dịch là 25.250 lượt người; đã giải quyết việc làm cho 406 lao động⁵. Đồng thời, thành phố đã tổ chức Ngày hội việc làm cho quân nhân xuất ngũ và người lao động tại quận Liên Chiểu năm 2024. Theo đó, có 88 đơn vị tham gia tuyển dụng, giải quyết việc làm cho 192 lao động.

Đối với Chương trình cho vay vốn giải quyết việc làm, hiện nay tổng nguồn vốn cho vay giải quyết việc làm hiện đang quản lý, điều hành là 3.526 tỷ đồng, trong đó cho vay đến cuối tháng 9/2024 là 1.178 tỷ đồng với 17.251 dự án, góp phần giải quyết việc làm cho 17.292 lao động, bình quân mỗi lao động được vay hơn 68 triệu đồng. Tổng các thành phần kinh tế trên địa bàn thành phố ước tạo việc làm cho 3.830 lao động; trong đó, có 2.930 vị trí việc làm tăng thêm⁶. Thảm định và có quyết định hưởng trợ cấp bảo hiểm thất nghiệp hàng tháng cho 14.309 trường hợp với số tiền chi trả là 305,049 tỷ đồng.

Về lĩnh vực quản lý và cấp phép lao động là người nước ngoài, thành phố đã thực hiện cấp mới 58 giấy phép; cấp lại 21 giấy phép, gia hạn 28 giấy phép, xác nhận không thuộc diện cấp giấy phép lao động 11 trường hợp; chấp thuận nhu cầu sử dụng lao động là người nước ngoài của 62 doanh nghiệp cho 87 vị trí.

Tính từ đầu năm đến nay, trong lĩnh vực xuất khẩu lao động, trên địa bàn thành phố Đà Nẵng đã có 195 người đi làm việc nước ngoài, chủ yếu ở thị trường Nhật Bản; tổ chức đưa 699 lao động thời vụ trong ngành nông nghiệp sang Hàn Quốc làm việc.

Thành phố tiếp tục tiếp nhận đăng ký khai báo thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động của các doanh nghiệp; kiểm tra hồ sơ do Sở Xây dựng đề nghị các chủ đầu tư cung cấp về chấp thuận lắp đặt thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động; triển khai các biện pháp đảm bảo an toàn vệ sinh lao động tại các đơn vị, doanh nghiệp phòng tránh tai nạn lao động trong mùa mưa bão.

2. Thực hiện chính sách Đền ơn đáp nghĩa và bảo trợ xã hội

2.1. Công tác đền ơn đáp nghĩa

Trong tháng, thành phố đã tiến hành kiểm tra thực tế về hoàn cảnh, nhu cầu sửa chữa, xây mới nhà ở đối với Mẹ Việt Nam anh hùng để hỗ trợ; ban hành Kế hoạch chi tiết tổ chức các hoạt động tri ân, đền ơn đáp nghĩa nhân kỷ niệm 95 năm Ngày

⁵ Tính đến nay, đã tổ chức 37 phiên giao dịch việc làm; số lượt doanh nghiệp tham gia là 4.681 đơn vị, tổng số lượt vị trí cần tuyển tại các phiên giao dịch là 259.966 lượt người; giải quyết việc làm cho 3.158 lao động.

⁶ Trong 9 tháng đầu năm, tổng các thành phần kinh tế trên địa bàn thành phố ước tạo việc làm cho 34.127 lao động; trong đó, có 24.602 vị trí việc làm tăng thêm.

thành lập Đảng bộ thành phố Đà Nẵng (28/3/1930 - 28/3/2025) và 50 năm Ngày Giải phóng thành phố Đà Nẵng (29/3/1975 - 29/3/2025); đôn đốc các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp trên địa bàn thành phố tham gia đóng góp Quỹ Đền ơn đáp nghĩa năm 2024. Thành phố đã thực hiện giải quyết trợ cấp hằng tháng và 1 lần cho 99 trường hợp người có công với cách mạng và thân nhân; trong đó, trợ cấp hằng tháng 17 trường hợp và trợ cấp 1 lần 82 trường hợp; trợ cấp khó khăn đột xuất cho 55 trường hợp, số tiền 163 triệu đồng.

2.2. Công tác giảm nghèo và bảo trợ xã hội

a) Công tác giảm nghèo

Thành phố luôn quan tâm, chỉ đạo thực hiện chỉ tiêu giảm hộ nghèo còn sức lao động chuẩn Trung ương năm 2024; kiểm tra, giám sát tiến độ xây mới, sửa chữa nhà ở cho hộ nghèo và công tác rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo định kỳ năm 2024; đồng thời, dự thảo Quyết định thành lập Ban Chỉ đạo xóa nhà tạm, nhà dột nát trên địa bàn thành phố.

b) Công tác bảo trợ xã hội

Thành phố đã triển khai các hoạt động nhân Tháng hành động vì Người cao tuổi; triển khai nghị định số 110/NĐ-CP ngày 30/8/2024 của Chính phủ về công tác xã hội; cấp giấy chứng nhận hoạt động cho Trung tâm chăm sóc người cao tuổi, người khuyết tật thuộc hội chữ thập đỏ thành phố; Trung tâm nuôi dạy trẻ em khó khăn thành phố (làng Hy Vọng) và Trung tâm Nuôi dạy trẻ em mồ côi Hoa Mai.

Trong tháng 10/2024, Tổ xử lý thông tin người lang thang xin ăn (Tổ 550) đã phối hợp với các địa phương xử lý tập trung 15 đối tượng gồm: 05 đối tượng xin ăn, 02 đối tượng xin ăn biến tướng, 03 đối tượng lang thang không nơi cư trú và 05 đối tượng tâm thần.

2.3. Công tác bảo vệ và chăm sóc trẻ em

Công tác bảo vệ và chăm sóc trẻ em là một nhiệm vụ quan trọng, bởi trẻ em là tương lai của đất nước và là những thành viên cần được bảo vệ, yêu thương và chăm sóc để phát triển toàn diện. Theo đó, trong tháng thành phố đã tổ chức 01 lớp tập huấn quy trình quản lý trường hợp về bảo vệ quyền trẻ em cho cán bộ các cấp quận Cẩm Lệ và huyện Hoà Vang; tiếp tục triển khai các hoạt động hỗ trợ tham gia Sáng kiến thành phố thân thiện với trẻ em do tổ chức UNICEF tài trợ.

Quỹ Bảo trợ trẻ em: thành phố đã phối hợp với Ngân hàng Shinhan Việt Nam bàn giao hệ thống nước sạch trị giá 100 triệu đồng cho trẻ em 2 điểm trường mầm non Xuân Phú và Đại La, xã Hòa Sơn. Hỗ trợ học bổng (mỗi suất 1 triệu đồng) cho 60 trẻ em là con công nhân có hoàn cảnh khó khăn và trẻ em đang được nuôi dưỡng tại cơ sở trợ giúp xã hội có thành tích vượt khó vươn lên trong học tập với tổng kinh phí 60 triệu đồng nhân dịp năm học mới 2024-2025; phối hợp tổ chức AOGWR tặng 4 dụng cụ phục hồi chức năng và trang trí Phòng trị liệu - Vui chơi cho trẻ em khuyết tật tại Bệnh viện Phục hồi chức năng Đà Nẵng với tổng trị giá gần 43 triệu đồng; triển khai khám sàng lọc tim bẩm sinh đợt 2 cho hơn 1.200 trẻ em huyện Hòa Vang

và quận Hải Châu, qua đó phát hiện và lập hồ sơ cho 5 trường hợp trẻ em khó khăn phẫu thuật.

2.4. Công tác phòng chống tệ nạn xã hội

Thành phố đã tổ chức Hội nghị truyền thông, nâng cao nhận thức về phòng, chống tệ nạn xã hội cho đoàn viên, công nhân lao động làm việc tại các khu công nghiệp trên địa bàn thành phố; tiếp tục tổ chức Hội nghị tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật nâng cao nhận thức về phòng, ngừa tệ nạn ma túy, mại dâm cho sinh viên tại 04 trường Cao đẳng trên địa bàn thành phố năm 2024. Trong tháng qua, Cơ sở xã hội Bầu Bàng tiếp nhận 41 học viên vào cai nghiện⁷, giải quyết cho về cộng đồng đúng thời hạn 54 học viên. Hiện Cơ sở đang quản lý, cai nghiện, giáo dục, dạy nghề cho 495 học viên⁸. UBND các xã, phường đã lập hồ sơ cai nghiện tự nguyện tại gia đình, cộng đồng cho 01 người; cấp giấy chứng nhận hoàn thành thời gian cai nghiện cho 07 người; 01 người tái nghiện đưa đi cai nghiện tập trung. Hiện có 26 đang cai nghiện tại gia đình, cộng đồng, trong đó có việc làm 09 người, chiếm tỷ lệ 34,6%. Trên địa bàn thành phố có 479 người đang quản lý sau cai tại nơi cư trú, trong đó có việc làm 273 người, chiếm tỷ lệ 57%.

3. Giáo dục và Đào tạo

Các công tác trọng tâm của ngành giáo dục thành phố trong tháng đó là: tổ chức bồi dưỡng các đội tuyển tham dự Kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia THPT năm học 2024-2025; tổng kết, khen thưởng Hội khỏe Phù Đổng toàn quốc năm học 2023-2024; tổng kết, đánh giá triển khai thí điểm học bạ số; tổ chức chuyên đề “Hoạt động giáo dục kỹ năng sống cho trẻ mầm non”; các lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ theo kế hoạch.

4. Hoạt động chăm sóc sức khỏe cộng đồng

Công tác khám chữa bệnh cho người dân, phòng chống các bệnh truyền nhiễm đã được ngành y tế và các ngành chức năng liên quan thường xuyên chú trọng và xử lý kịp thời.

4.1. Tình hình dịch bệnh

Sốt xuất huyết: từ đầu năm đến ngày 29/9/2024, toàn thành phố ghi nhận 1.750 ca, giảm 16,2% so với cùng kỳ năm 2023. Ổ dịch nhỏ: ghi nhận 139 ổ dịch, tăng 15,8% so với cùng kỳ năm trước.

Tay chân miệng: tính đến ngày 29/9/2024, thành phố ghi nhận 864 ca, giảm 23,7% so với cùng kỳ năm 2023. Ổ dịch nhỏ: ghi nhận 11 ổ dịch.

Dịch bệnh Covid-19: lũy kế từ đầu năm đến ngày 29/9/2024, toàn thành phố ghi nhận 61 trường hợp, giảm 45,3 lần so với cùng kỳ năm 2023.

⁷ Trong đó: 09 người cai nghiện tự nguyện.

⁸ trong đó có 478 học viên có Quyết định (có 71 người ngoài thành phố) và 17 học viên không có nơi cư trú ổn định đang chờ Quyết định của Tòa án.

Các bệnh truyền nhiễm có tính chất lưu hành như sốt xuất huyết, tay chân miệng được kiểm soát, chưa ghi nhận lây lan, bùng phát thành dịch. Chưa ghi nhận bệnh truyền nhiễm nguy hiểm.

Các bệnh truyền nhiễm dự phòng bằng vắc xin (sởi, ho gà) tại thành phố Đà Nẵng ghi nhận thấp hơn các tỉnh, thành phố khác trong khu vực và cả nước. Chủ yếu ghi nhận các trường hợp chưa tiêm vắc xin phòng bệnh (9/10 trường hợp). Các ca bệnh không có mối liên quan dịch tễ, dịch bệnh chưa có dấu hiệu lây lan, bùng phát.

4.2. Chương trình Tiêm chủng mở rộng

Tính đến ngày 30/9/2024 tỷ lệ tiêm chủng mở rộng đầy đủ đạt 79,2%⁹. Thành phố đã tổ chức kiểm tra, hậu kiểm các cơ sở tự công bố đủ điều kiện tiêm chủng năm 2024¹⁰; tiếp nhận hồ sơ công bố các cơ sở đủ điều kiện tiêm chủng¹¹; chỉ đạo các đơn vị đẩy mạnh công tác tiêm chủng vắc xin trong Chương trình Tiêm chủng mở rộng.

4.3. Tình hình khám, chữa bệnh (Tính đến ngày 30/9/2024)

- Tình hình khám bệnh: Số lượt khám chữa bệnh toàn thành phố đạt 2.984.537 lượt, tăng 3,48% so với cùng kỳ năm 2023; trong đó số lượt khám chữa bệnh bằng bảo hiểm y tế là 2.009.927 lượt chiếm 67,34%.

- Tình hình điều trị nội trú: Số lượt điều trị nội trú toàn thành phố đạt 321.883 lượt, số lượt điều trị nội trú bằng bảo hiểm y tế là 297.748 lượt đạt 92,50%.

4.4. Tình hình nhiễm HIV/AIDS

Trong 9 tháng năm 2024, toàn thành phố Đà Nẵng phát hiện 162 trường hợp nhiễm HIV mới, giảm 14 trường hợp so với cùng kỳ năm 2023; trong đó, 59 trường hợp là người Đà Nẵng, số còn lại là người ngoại tỉnh.

Tính từ khi phát hiện ca nhiễm HIV/AIDS đầu tiên đến nay, thành phố đã ghi nhận 3.776 ca, trong đó 1.967 ca là người Đà Nẵng; 525 trường hợp tử vong, trong đó 497 ca là người Đà Nẵng. Số người nhiễm HIV hiện còn sống là 3.251 người, gồm 1.470 người là cư dân Đà Nẵng, còn lại là người ngoại tỉnh.

Tình hình điều trị Methadone: Tính đến ngày 30/9/2024, tiếp nhận điều trị 25 bệnh nhân, ra khỏi chương trình là 45 bệnh nhân, hiện đang điều trị cho 236 bệnh nhân.

4.5. Chương trình mục tiêu dân số

Các chỉ tiêu Dân số và các biện pháp tránh thai tính đạt được đến ngày 30/9/2024:

⁹ Trong đó các loại vắc xin: BCG đạt tỷ lệ: 78,5%; vắc xin Bạch liệt 3: 85,3%; DTC - VGB - Hib mũi 3: 88,6%; Sởi: 85,2%; Viêm gan B < 24h: 70,0% ; Phụ nữ có thai được bảo vệ uốn ván UV2: 76,4%.

¹⁰ Đã tiến hành kiểm tra 09 cơ sở gồm: CTY Cổ phần Dược phẩm Long Châu - địa điểm kinh doanh TT Tiêm chủng Long Châu 104, Địa điểm kinh doanh số 2 CTY TNHH AMV dịch vụ y tế Đà Nẵng, Địa điểm kinh doanh VNVC Nam Ô, VNVC Cẩm Lệ, VNVC Thanh Khê, Công ty Cổ phần Dược - Thiết bị Y tế Đà Nẵng, Phòng khám đa khoa Benkin, Công ty AMV Dịch vụ y tế.

¹¹ 03 cơ sở tự công bố gồm: Công ty Cổ phần Dược phẩm FPT Long Châu - Địa điểm kinh doanh Trung tâm tiêm chủng Long Châu 104 và Địa điểm kinh doanh VNVC Nam Ô - Công Ty Cổ phần vaccin Việt Nam, Chi nhánh TP Hồ Chí Minh; tính đến ngày 09/9/2024 đã có 97 cơ sở tự công bố đủ điều kiện tiêm chủng.

- Tổng số trẻ sinh ra 10.183 trẻ, trong đó: 4.191 bé trai, 4.992 bé gái.
- Tỷ số giới tính: 104 bé trai/100 bé gái.
- Tỷ lệ sinh con thứ 3 trở lên: 419/10.183 trẻ, chiếm 4,11%.
- Tổng các biện pháp tránh thai: 51.483/40.200 đạt 128,1%¹².
- Thực hiện chỉ tiêu kỹ thuật sàng lọc trước sinh, sơ sinh: số phụ nữ mang thai được sàng lọc trước sinh là 9.726/11.201 người, đạt 86,8%; số trẻ được sàng lọc sơ sinh là 9.631/10.183 trẻ, đạt 94,6%.

5. Văn hóa - Thể thao

5.1. Lĩnh vực văn hóa

Thành phố thực hiện công tác tuyên truyền, cổ động trực quan, treo cờ Tổ quốc, cờ Đảng nhân dịp chào mừng các ngày lễ kỷ niệm, sự kiện lớn của thành phố. Đồng thời, quan tâm, chỉ đạo công tác xây dựng đời sống văn hóa cơ sở, Phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” và thực hiện Đề án “Xây dựng nếp sống văn hóa văn minh đô thị”. Thành phố đã tổ chức thành công Hội nghị tuyên dương khen thưởng thôn/tổ dân phố văn hóa tiêu biểu thành phố - năm 2024; tại Hội nghị, 56 thôn/tổ dân phố văn hóa tiêu biểu toàn thành phố năm 2024 được Chủ tịch UBND thành phố Đà Nẵng tặng Bằng khen. Đây là sự ghi nhận, đánh giá và biểu dương kịp thời của chính quyền thành phố Đà Nẵng trong việc đẩy mạnh xây dựng Phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” theo Nghị quyết Trung ương 5 (khóa VIII) về “Xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc” được Đảng và Nhà nước phát động triển khai từ năm 2000.

Các hoạt động văn hóa, văn nghệ, hoạt động thể thao sôi động phục vụ du khách và người dân thành phố Đà Nẵng, như: Danang Bazaar Version “Chợ phiên đêm” tại Helio Center; Đêm nhạc gây quỹ từ thiện “Sưởi ấm tim em 2016” với các ca sĩ, danh hài nổi tiếng: Hoài Lâm, Yasuy, Võ Hạ Trâm, Cát Phượng; Chương trình các cụm biểu diễn âm nhạc “Danang Music Corner chương trình Hòa tấu nhạc cụ, chương trình Random dance Kpop do Trung tâm Văn hóa - Điện ảnh thành phố tổ chức.

Nhà hát Trưng Vương phục vụ tốt nhiệm vụ chính trị được giao; tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng các chương trình nghệ thuật mang đậm tính dân tộc, hiện đại và phù hợp với thị hiếu của khán giả. Trong tháng, Nhà hát Tuồng Nguyễn Hiền Đình duy trì tổ chức có hiệu quả các chương trình “Hồn Việt”, “Con đường di sản”, “Sân khấu học đường”, “Tuồng xuống phố” với 15 buổi diễn thu hút hơn 6.000 lượt người xem.

Thành phố đã tổ chức lễ tổng kết và trao giải Cuộc thi Đại sứ Văn hóa đọc Đà Nẵng năm 2024. Thư viện Khoa học Tổng hợp phục vụ gần 70.909 lượt đọc, mượn; luân chuyển gần 145.539 lượt bao gồm phục vụ bạn đọc tại chỗ, lượt truy cập web, truy cập sách điện tử, tài liệu số, tổ chức sự kiện, luân chuyển cơ sở.

¹² Trong đó: Dụng cụ từ cung đạt 7.082/7.200 (đạt 98,4%); thuốc cấy đạt 940/700 (đạt 134,3%), thuốc tiêm tránh thai 1.198/1.000 (đạt 119,8 %), viên uống tránh thai đạt 9.471/7.300 (đạt 129,7%), bao cao su đạt 32.573/24.000 (đạt 135,7%).

Về di sản văn hóa, thành phố tiếp tục theo dõi, rà soát tiến độ triển khai Đề cương chi tiết Bảo tàng Đà Nẵng tại cơ sở mới 42-44 Bạch Đằng; tập trung đầu tư, tôn tạo, đảm bảo tiến độ các dự án tu bổ, tôn tạo di tích Thành Điện Hải (giai đoạn 2); dự án Bảo tàng Điêu khắc Chăm (cơ sở 2); hoàn thành và đưa công trình vào phục vụ tham quan di tích quốc gia Hải Vân Quan.

Công tác nghiên cứu, sưu tầm được thực hiện với việc tiếp tục kêu gọi hiến tặng, phục chế tài liệu, hiện vật cho các bảo tàng, tiếp tục chỉnh lý trưng bày các chuyên đề, kiểm kê, bảo quản hiện vật. Các bảo tàng tổ chức nhiều hoạt động phục vụ khách tham quan. Trong tháng, Bảo tàng Điêu khắc Chăm đón 8.500 khách; Bảo tàng Đà Nẵng ước đón 6.580 lượt khách (trong đó ước đón 4.315 khách nước ngoài); Bảo tàng Mỹ thuật đón 2.330 lượt khách (trong đó ước đón 460 khách nước ngoài).

5.2. Lĩnh vực thể thao

Hoạt động thể dục thể thao quần chúng: các hoạt động thể dục thể thao đã diễn ra sôi nổi, như: Đại hội thể thao bãi biển Châu Á (ABG 5); Giải bơi vô địch quốc gia năm 2024; Giải lặn vô địch quốc gia năm 2024,...

Hoạt động thể dục thể thao thành tích cao: thành phố tiếp tục theo dõi việc thực hiện kế hoạch hợp đồng huấn luyện viên, vận động viên và tập huấn, thi đấu quốc tế năm 2024; chuẩn bị lực lượng vận động viên thể thao thành tích cao tham dự Đại hội Thể thao toàn quốc lần thứ X năm 2026. Tính đến ngày 15/10/2024, Đoàn thể thao Đà Nẵng thi đấu các giải quốc gia đạt tổng cộng 248 Huy chương vàng (HCV), 216 Huy chương bạc (HCB) và 306 Huy chương đồng (HCD); giải quốc tế đạt 33 HCV, 25 HCB, 33 HCD, trong đó thành tích của một số giải điển hình đạt được phải kể đến như: Rowing vô địch Châu Á đạt 02 HCV, 01 HCD; Thể hình vô địch Châu Á đạt 01 HCV; giải Billiards vô địch thế giới carom 3 băng nữ đạt 01 HCD; Cờ vua trẻ Châu Á đạt 03 HCV, 03 HCB, 02 HCD; đặc biệt, có 01 vận động viên nữ tham dự Olympic Paris năm 2024 tại Pháp. Ngoài ra, sau 4 vòng đấu, câu lạc bộ bóng đá SHB Đà Nẵng tạm thời xếp vị thứ 14 trên bảng xếp hạng với 02 điểm.

6. Trật tự an toàn xã hội

Tình hình an ninh trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn thành phố được giữ vững; đảm bảo an toàn phòng cháy, chữa cháy, không xảy ra điểm nóng, phức tạp gây dư luận xấu trong xã hội.

6.1. Tình hình cháy, nổ

Tháng 10/2024 (từ 15/9/2024 đến 14/10/2024), trên địa bàn thành phố đã xảy ra 05 vụ cháy, không gây ra thiệt hại về người, giá trị tài sản bị thiệt hại ước tính ban đầu là 13,5 triệu đồng; số vụ cháy giảm 17 vụ so với tháng trước và giảm 01 vụ so với cùng kỳ năm trước. Lực lượng Cảnh sát Phòng cháy chữa cháy và cứu nạn cứu hộ thành phố đã xuất 13 lượt phương tiện cùng 86 lượt cán bộ chiến sĩ đến hiện trường trực tiếp cứu chữa. Xét theo loại cháy: quán bar: 01 vụ; cơ sở kinh doanh (dịch vụ ăn uống): 01 vụ; cơ sở thể thao (trung tâm văn hoá, thể thao): 01 vụ; cỏ, rác, thực bì: 01 vụ; thiết bị điện trên trụ điện: 01 vụ. Xét theo địa bàn: 01 vụ quận Hải Châu;

01 vụ quận Thanh Khê; 01 vụ quận Sơn Trà; 01 vụ quận Cẩm Lệ; 01 vụ huyện Hoà Vang.

Lũy kế từ ngày 15/12/2023 đến ngày 14/10/2024, thành phố đã xảy ra 114 vụ cháy, làm 01 người chết, giá trị tài sản thiệt hại ước tính sơ bộ là 20,8 tỷ đồng. So với cùng kỳ năm 2023, giảm 169 vụ cháy, giảm 01 người chết và tổng giá trị tài sản thiệt hại ban đầu ước tính giảm khoảng 26,7%.

6.2. Tai nạn giao thông

Trong 10 tháng năm 2024 (từ 15/12/2023 đến 14/10/2024), toàn thành phố đã xảy ra 501 vụ tai nạn giao thông làm 104 người chết và 486 người bị thương. So với cùng kỳ năm 2023: tăng 37 vụ tai nạn giao thông, tăng 05 người chết và tăng 69 người bị thương.

a) Tai nạn giao thông đường bộ

Từ ngày 15/9/2024 đến ngày 14/10/2024, trên địa bàn thành phố xảy ra 44 vụ tai nạn giao thông đường bộ làm 12 người chết và 36 người bị thương. So với tháng trước: tăng 08 vụ, giảm 03 người chết và tăng 03 người bị thương. So với cùng kỳ năm 2023: giảm 03 vụ, tăng 06 người chết và giảm 18 người bị thương.

Cộng dồn từ ngày 15/12/2023 đến ngày 14/10/2024, toàn thành phố đã xảy ra 499 vụ tai nạn giao thông đường bộ làm 102 người chết và 486 người bị thương. So với cùng kỳ năm 2023 đã tăng trên cả 03 tiêu chí: tăng 35 vụ tai nạn giao thông, tăng 03 người chết và tăng 69 người bị thương.

b) Tai nạn giao thông đường sắt và đường thủy

Từ ngày 15/9/2024 đến ngày 14/10/2024, trên địa bàn thành phố không xảy ra tai nạn giao thông đường sắt và đường thủy, không có sự biến động so với tháng trước.

Lũy kế từ ngày 15/12/2023 đến ngày 14/10/2024, toàn thành phố Đà Nẵng xảy ra 02 vụ tai nạn giao thông đường sắt, làm 02 người chết; tăng 02 vụ và 02 người chết so với cùng kỳ năm 2023.

7. Môi trường

Trong tháng không xảy ra các vụ việc phức tạp, điểm nóng liên quan đến lĩnh vực môi trường. Các lực lượng chức năng đã tập trung công tác nắm tình hình và tổ chức kiểm tra, xử lý các hành vi vi phạm môi trường của các cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp trên địa bàn thành phố Đà Nẵng.

Tính riêng tháng 10/2024, lực lượng chức năng đã phát hiện, xử lý vi phạm hành chính 04 vụ vi phạm về môi trường và an toàn vệ sinh thực phẩm, gồm 04 đối tượng, với số tiền xử phạt là 882 triệu đồng. So với tháng 9/2024: giảm 07 vụ, giảm 07 đối tượng nhưng số tiền phạt tăng 655,5 triệu đồng. Xét theo loại hình vi phạm: vi phạm về an toàn thực phẩm đã phát hiện và xử lý 01 vụ với số tiền xử phạt là 6 triệu đồng; vi phạm khác đã phát hiện và xử lý 03 vụ, số tiền xử phạt là 876 triệu đồng.

Lũy kế 10 tháng năm 2024, lực lượng chức năng đã phát hiện và xử lý vi phạm hành chính 162 vụ, tổng số tiền phạt là 4.468 triệu đồng, giảm 24 vụ vi phạm nhưng

số tiền xử phạt tăng 2.484 triệu đồng so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, vi phạm về an toàn thực phẩm là 84 vụ với tổng số tiền phạt là 1.282 triệu đồng; 36 vụ vi phạm về xây dựng, môi trường đô thị với tổng tiền phạt là 663 triệu đồng và 42 vụ vi phạm khác liên quan đến các lĩnh vực môi trường khác, như: y tế; khai thác tài nguyên, khoáng sản; sản xuất công nghiệp... với tổng số tiền phạt là 2.523 triệu đồng.

Nơi nhận:

- Vụ TK Tổng hợp;
- Vụ HTTKQG - TCTK (để b/c);
- Thành uỷ, HĐND, UBND TP (để b/c);
- Cục Thống kê 5 thành phố trực thuộc TW;
- Cục thống kê tỉnh Quảng Nam;
- Đơn vị trực thuộc Cục Thống kê;
- Một số Sở, ngành liên quan;
- Lãnh đạo Cục TK;
- Lưu: VT, TKTH.

CỤC TRƯỞNG

Trần Văn Vũ

PHỤ LỤC SỐ LIỆU

(Kèm theo Báo cáo số /BC-CTK ngày tháng 10 năm 2024
của Cục Thống kê thành phố Đà Nẵng)

01 Sản xuất nông nghiệp tính đến ngày 15 tháng 10 năm 2024

	Thực hiện cùng kỳ năm trước	Thực hiện kỳ báo cáo	Kỳ báo cáo so với cùng kỳ năm trước (%)
Diện tích gieo trồng cây hàng năm (Ha)	6.481,3	5.878,9	90,7
Lúa	4.577,0	4.554,5	99,5
Lúa đông xuân	2.374,1	2.422,5	102,0
Lúa mùa	2.203,0	2.132,0	96,8
Các loại cây khác	1.904,3	1.324,5	69,6
Ngô	114,3	112,3	98,2
Khoai lang	112,0	102,0	91,1
Sắn/Khoai mì	28,5	20,5	72,1
Mía	298,0	109,0	36,6
Mè	293,0	266,3	90,9
Lạc	196,8	187,0	95,0
Rau các loại	638,6	346,6	54,3
Đậu các loại	59,4	28,0	47,1
Hoa	73,7	74,5	101,1
Thuốc lá	0,2	0,0	0,0
Cây lấy củ chất bột khác	10,0	8,0	80,0
Cây hàng năm khác	79,8	70,2	88,0

02 Chỉ số sản xuất công nghiệp tháng 10 năm 2024

	Đơn vị tính: %		
	Ước tháng 10 năm 2024 so với tháng trước	Ước tháng 10 năm 2024 so với cùng kỳ năm 2023	Bình quân 10 tháng năm 2024 so với bình quân cùng kỳ năm 2023
Toàn ngành công nghiệp	101,10	114,04	105,99
Khai khoáng	100,92	487,77	64,07
Khai khoáng khác	100,92	487,77	64,22
Công nghiệp chế biến, chế tạo	103,21	114,93	106,13
Sản xuất chế biến thực phẩm	100,84	101,54	105,17
Sản xuất đồ uống	109,83	90,47	112,84
Sản xuất sản phẩm thuốc lá	100,76	93,37	92,97
Dệt	76,31	101,74	134,01
Sản xuất trang phục	93,90	102,40	95,44
Sản xuất da và các sản phẩm có liên quan	102,43	95,99	87,75
Chế biến gỗ và sản xuất sản phẩm từ gỗ, tre, nứa (trừ giường, tủ, bàn, ghế); sản xuất sản phẩm từ rơm, rạ và vật liệu tết bện	82,35	175,09	98,96
Sản xuất giấy và sản phẩm từ giấy	105,94	86,90	102,94
In, sao chép bản ghi các loại	100,14	103,62	103,51
Sản xuất hoá chất và sản phẩm hoá chất	95,83	143,61	108,18
Sản xuất thuốc, hoá dược và dược liệu	101,15	90,05	89,18
Sản xuất sản phẩm từ cao su và plastic	100,89	140,21	113,35
Sản xuất sản phẩm từ khoáng phi kim loại khác	95,06	160,98	112,15
Sản xuất kim loại	114,86	99,58	101,19
Sản xuất sản phẩm từ kim loại đúc sẵn (trừ máy móc, thiết bị)	101,87	145,75	117,86
Sản xuất sản phẩm điện tử, máy vi tính và sản phẩm quang học	106,04	113,60	98,42
Sản xuất thiết bị điện	115,02	108,73	110,31
Sản xuất máy móc, thiết bị chưa được phân vào đâu	106,21	101,89	116,26
Sản xuất xe có động cơ	127,94	114,34	105,64
Sản xuất phương tiện vận tải khác	89,64	174,22	107,13
Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế	104,40	145,82	108,18
Công nghiệp chế biến, chế tạo khác	93,01	121,64	86,15
Sửa chữa, bảo dưỡng và lắp đặt máy móc và thiết bị	98,92	194,64	162,37
Sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hoà không khí	85,58	108,79	111,83
Cung cấp nước; hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải	95,00	99,87	102,79
Khai thác, xử lý và cung cấp nước	91,15	101,99	99,78
Thoát nước và xử lý nước thải	98,74	99,27	116,53
Hoạt động thu gom, xử lý và tiêu huỷ rác thải; tái chế phế liệu	100,47	96,40	103,88

03 Sản lượng một số sản phẩm công nghiệp chủ yếu tháng 10 năm 2024

	Đơn vị tính	Ước tính tháng 10/2024	Ước tính 10 tháng năm 2024	Tháng 10/2024 so với cùng kỳ năm 2023 (%)	10 tháng năm 2024 so với cùng kỳ năm 2023 (%)
Đá xây dựng khác	M ³	63.439	972.656	487,77	64,22
Thịt cá đông lạnh	Tấn	800	7.721	111,32	128,37
Tôm đông lạnh	Tấn	1.887	19.173	93,39	103,72
Bia các loại	1000 lít	19.886	172.334	122,52	114,75
Nước ngọt (cocacola, 7 up, ...)	1000 lít	8.998	84.302	87,85	112,99
Vải dệt thoi từ sợi bông có tỷ trọng bông từ 85% trở lên	1000 m ²	2.072	32.388	115,44	167,34
Thuốc lá có đầu lọc		8.920	88.243	93,37	92,97
Bộ quần áo cho người lớn dệt kim hoặc đan móc	1000 cái	67	623	123,08	59,87
Bộ quần áo cho người lớn không dệt kim hoặc đan móc	1000 cái	1.398	15.143	101,64	97,66
Giày, dép thể thao có mũ bằng da và có đế ngoài	1000 đôi	255	2.369	95,99	87,75
Vỏ bào, dăm gỗ	Tấn	45.000	453.036	175,09	98,96
Bao bì và túi bằng giấy (trừ giấy nhẵn)	1000 chiếc	1.516	13.433	122,95	75,81
Hộp và thùng bằng giấy nhẵn và bìa nhẵn	1000 chiếc	2.346	23.910	111,32	131,86
Báo in	Triệu trang	93	985	90,91	90,93
Sản phẩm in khác	Triệu trang	99	1.008	113,04	113,21
Sơn và véc ni, tan trong môi trường không chứa nước	Tấn	744	6.166	149,28	106,22
Keo đã điều chế và các chất dính đã được điều chế khác	Tấn	532	8.388	110,76	117,00
Dược phẩm khác chưa phân vào đâu	Kg	55.277	667.688	50,18	76,69
Cao dán, bông, băng, gạc và các sản phẩm tương tự	Kg	213.050	2.090.587	97,58	90,96
Lốp hơi mới bằng cao su, loại dùng cho xe buýt, xe tải hoặc máy bay	1000 cái	157	1.305	140,21	113,35
Xi măng Portland đen	Tấn	76.795	686.116	150,94	104,83
Gạch và gạch khối xây dựng bằng xi măng, bê tông hoặc đá nhân tạo	1000 viên	314	1.304	167,72	46,56
Bê tông trộn sẵn (bê tông tươi)	M ³	56.452	557.448	169,40	142,66
Sắt, thép không hợp kim dạng thỏi đúc hoặc dạng thô khác	Tấn	6.013	76.498	65,46	87,49
Thanh, que sắt hoặc thép không hợp kim, được cán nóng	Tấn	27.384	260.444	108,06	104,48
Cấu kiện nhà lắp sẵn bằng kim loại	Tấn	1.093	15.194	178,72	176,79
Thiết bị dùng cho dàn giáo, ván khuôn, vật chống, cột trụ chống hầm lò bằng sắt, thép, nhôm	Tấn	17.592	169.703	154,64	107,69

03 Sản lượng một số sản phẩm công nghiệp chủ yếu tháng 10 năm 2024 (tt)

	Đơn vị tính	Ước tính tháng 10/2024	Ước tính 10 tháng năm 2024	Tháng 10/2024 so với cùng kỳ năm 2023 (%)	10 tháng năm 2024 so với cùng kỳ năm 2023 (%)
Bộ phận và các phụ tùng của máy tính	1000 Cái	381.038	3.579.477	117,63	103,12
Động cơ điện một chiều có công suất ≤ 37.5 W	1000 chiếc	26.447	258.694	108,73	110,31
Bộ lọc dầu/xăng dùng cho động cơ đốt trong	Bộ	2.615.000	26.613.534	102,77	134,10
Bộ dây đánh lửa và bộ dây khác sử dụng cho xe có động cơ	Bộ	145.315	1.099.782	114,34	105,64
Các loại tàu khác	Triệu đồng	17.210	100.584	174,22	107,13
Ghế khác có khung bằng gỗ	Chiếc	4.842	22.863	261,23	93,14
Bàn bằng gỗ các loại	Chiếc	8.157	102.710	424,60	79,36
Thiết bị câu và bắt cá	Chiếc	443.584	4.465.547	119,09	95,78
Đồ chơi hình con vật hoặc sinh vật không phải hình người	1000 con	1.556	12.832	184,36	29,18
Dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng máy bay, tàu vũ trụ	Triệu đồng	50.572	409.522	194,64	162,37
Điện thương phẩm	Triệu KWh	339	3.549	108,79	111,83
Nước uống được	1000 m ³	8.742	92.477	101,99	99,78
Dịch vụ xử lý nước thải	Triệu đồng	9.071	53.327	99,27	116,53
Dịch vụ thu gom rác thải tái chế được	Triệu đồng	27.315	281.068	96,40	103,88

04 Vốn đầu tư thực hiện từ nguồn ngân sách nhà nước do địa phương quản lý

ĐVT: Triệu đồng; %

	Thực hiện tháng 9/2024	Ước tính tháng 10/2024	Ước thực hiện 10 tháng năm 2024	10 tháng năm 2024 so với kế hoạch	10 tháng năm 2024 so với cùng kỳ 2023
TỔNG SỐ	723.054	736.509	5.429.046	62,94	112,86
Vốn ngân sách nhà nước cấp tỉnh	685.764	714.759	5.231.766	63,05	112,45
Vốn cân đối ngân sách tỉnh	470.842	513.501	3.260.422	59,57	99,82
<i>Trong đó: Thu từ quỹ sử dụng đất</i>	148.559	152.327	920.925	59,23	86,25
Vốn trung ương hỗ trợ đầu tư theo mục tiêu	67.021	54.662	881.837	80,04	208,81
Vốn nước ngoài (ODA)	-	-	-	-	-
Xổ số kiến thiết	9.034	8.696	136.887	55,41	133,86
Vốn khác	138.867	137.900	952.620	64,55	110,60
Vốn ngân sách nhà nước cấp huyện	37.290	21.750	197.280	60,27	124,86
Vốn cân đối ngân sách huyện	37.290	21.750	197.280	60,27	124,86
<i>Trong đó: Thu từ quỹ sử dụng đất</i>	4.620	-	142.438	64,24	142,44
Vốn tỉnh hỗ trợ đầu tư theo mục tiêu	-	-	-	-	-
Vốn khác	-	-	-	-	-
Vốn ngân sách nhà nước cấp xã	-	-	-	-	-
Vốn cân đối ngân sách xã	-	-	-	-	-
<i>Trong đó: Thu từ quỹ sử dụng đất</i>	-	-	-	-	-
Vốn tỉnh hỗ trợ đầu tư theo mục tiêu	-	-	-	-	-
Vốn khác	-	-	-	-	-

05 Doanh thu bán lẻ hàng hóa

ĐVT: Triệu đồng; %

	Thực hiện tháng 9/2024	Ước tính tháng 10/2024	Ước thực hiện 10 tháng năm 2024	Tháng 10/2024 so với cùng kỳ năm 2023	10 tháng năm 2024 so với cùng kỳ 2023
Tổng số	6.272.845	6.399.106	61.992.544	113,79	112,41
Lương thực, thực phẩm	2.067.292	2.101.532	19.581.674	121,48	116,45
Hàng may mặc	215.879	217.884	2.157.652	102,47	106,34
Đồ dùng, dụng cụ trang thiết bị gia đình	1.231.569	1.262.264	12.253.310	104,95	110,24
Vật phẩm văn hóa, giáo dục	108.792	107.213	942.933	111,91	120,45
Gỗ và vật liệu xây dựng	585.203	569.379	5.080.349	130,66	120,86
Ô tô các loại	365.494	376.386	2.913.815	148,41	106,66
Phương tiện đi lại (trừ ô tô, kể cả phụ tùng)	389.799	394.311	2.915.299	176,38	109,55
Xăng, dầu các loại	674.210	736.375	7.753.876	102,63	107,37
Nhiên liệu khác (trừ xăng, dầu)	31.210	31.051	305.190	111,02	107,86
Đá quý, kim loại quý và sản phẩm	265.381	269.335	4.920.413	61,83	110,06
Hàng hóa khác	217.592	209.622	1.982.160	107,71	110,32
Sửa chữa xe có động cơ, mô tô, xe máy và xe có động cơ	120.423	123.754	1.185.874	132,12	114,38

06 Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng

ĐVT: Triệu đồng; %

	Thực hiện tháng 9/2024	Ước tính tháng 10/2024	Ước thực hiện 10 tháng năm 2024	Tháng 10/2024 so với cùng kỳ năm 2023	10 tháng năm 2024 so với cùng kỳ 2023
TỔNG SỐ	11.789.639	11.728.202	114.267.494	117,89	114,12
Tổng mức bán lẻ hàng hóa	6.272.845	6.399.106	61.992.544	113,79	112,41
Doanh thu dịch vụ lưu trú và ăn uống	2.225.356	2.154.727	22.561.574	120,43	121,72
Doanh thu lữ hành và các dịch vụ hỗ trợ du lịch	604.780	524.163	6.226.109	101,91	136,53
Doanh thu dịch vụ tiêu dùng khác	2.686.658	2.650.206	23.487.268	131,11	107,33

07 Doanh thu dịch vụ lưu trú, ăn uống, du lịch lữ hành và dịch vụ tiêu dùng khác

ĐVT: Triệu đồng; %

	Thực hiện tháng 9/2024	Ước tính tháng 10/2024	Ước thực hiện 10 tháng năm 2024	Tháng 10/2024 so với tháng trước	Tháng 10/2024 so với cùng kỳ năm 2023	10 tháng năm 2024 so với cùng kỳ 2023
Dịch vụ lưu trú, ăn uống	2.225.356	2.154.727	22.561.574	96,83	120,43	121,72
Dịch vụ lưu trú	830.904	765.096	8.450.845	92,08	127,32	131,51
Dịch vụ ăn uống	1.394.452	1.389.630	14.110.728	99,65	116,94	116,53
Du lịch lữ hành	604.780	524.163	6.226.109	86,67	101,91	136,53
Dịch vụ tiêu dùng khác	2.686.658	2.650.206	23.487.268	98,64	131,11	107,33

08 Chỉ số giá tiêu dùng, chỉ số giá vàng, chỉ số giá đô la Mỹ

	Chỉ số giá tháng 10 năm 2024 so với:				Bình quân 10 tháng năm 2024 so với bình quân cùng kỳ năm 2023
	Kỳ gốc 2019	Cùng kỳ năm 2023	Tháng 12 năm 2023	Tháng 9 năm 2024	
CHỈ SỐ GIÁ TIÊU DÙNG CHUNG	118,89	102,86	103,32	100,19	103,00
Hàng ăn và dịch vụ ăn uống	125,53	103,19	103,04	100,33	102,98
<i>Trong đó:</i>					
Lương thực	137,57	105,85	100,51	101,05	111,86
Thực phẩm	120,30	101,88	102,22	100,57	101,06
Ăn uống ngoài gia đình	129,32	104,15	104,17	100,00	103,77
Đồ uống và thuốc lá	119,47	102,25	102,24	100,15	102,57
May mặc, giày dép và mũ nón	116,79	103,04	101,97	100,02	102,20
Nhà ở và vật liệu xây dựng	122,59	104,42	106,08	100,11	103,71
Thiết bị và đồ dùng gia đình	113,36	101,25	101,40	100,29	101,18
Thuốc và dịch vụ y tế	115,85	111,85	111,64	100,15	106,16
<i>Trong đó: Dịch vụ y tế</i>	118,36	115,95	115,95	100,00	107,68
Giao thông	108,31	96,42	98,83	100,68	101,63
Bưu chính viễn thông	95,85	100,89	101,46	99,64	98,29
Giáo dục	123,41	102,79	102,79	100,00	104,62
<i>Trong đó: Dịch vụ giáo dục</i>	124,08	103,05	103,05	100,00	104,90
Văn hoá, giải trí và du lịch	102,50	100,40	100,34	99,37	101,80
Hàng hóa và dịch vụ khác	125,93	108,36	107,45	100,25	107,57
CHỈ SỐ GIÁ VÀNG	213,70	147,36	137,21	106,77	129,67
CHỈ SỐ GIÁ ĐÔ LA MỸ	107,67	102,12	102,71	101,03	105,01

09 Doanh thu vận tải, kho bãi và dịch vụ hỗ trợ vận tải; dịch vụ bưu chính và chuyển phát

Đơn vị tính: Triệu đồng; %

	Thực hiện tháng 9/2024	Ước tính tháng 10/2024	Ước thực hiện 10 tháng năm 2024	Tháng 10/2024 so với tháng trước	Tháng 10/2024 so với cùng kỳ năm 2023	10 tháng năm 2024 so với cùng kỳ 2023
TỔNG SỐ	1.927.875	1.894.604	19.630.239	98,27	116,21	123,22
Vận tải hành khách	128.631	127.505	1.470.442	99,12	105,09	117,15
Đường biển	-	-	-	-	-	-
Đường thủy nội địa	4.012	3.904	48.455	97,30	117,61	121,03
Đường bộ	124.619	123.601	1.421.986	99,18	104,74	117,03
Vận tải hàng hóa	727.288	712.359	7.397.243	97,95	112,20	120,06
Đường biển			3.961			50,95
Đường thủy nội địa	-	-	-	-	-	-
Đường bộ	727.288	712.359	7.393.282	97,95	112,31	120,15
Dịch vụ hỗ trợ vận tải	1.007.650	988.528	10.156.926	98,10	120,96	127,64
Dịch vụ bưu chính và chuyển phát	64.306	66.213	605.629	102,96	116,34	108,67

10 Vận tải hành khách và hàng hóa bằng đường bộ, đường thủy

	Thực hiện tháng 9/2024	Ước tính tháng 10/2024	Ước thực hiện 10 tháng năm 2024	Tháng 10/2024 so với tháng trước	Tháng 10/2024 so với cùng kỳ năm 2023	10 tháng năm 2024 so với cùng kỳ 2023
HÀNH KHÁCH						
Vận chuyển (Nghìn lượt HK)	2.338	2.284	24.298	97,68	101,47	111,24
Đường biển	-	-	-	-	-	-
Đường thủy nội địa	63,5	61,8	807,6	97,30	106,50	117,08
Đường bộ	2.275	2.222	23.491	97,69	101,34	111,05
Luân chuyển (Nghìn lượt HK.km)	71.193	69.375	791.816	97,45	102,09	114,78
Đường biển	-	-	-	-	-	-
Đường thủy nội địa	425,7	414,2	5.337,5	97,30	86,46	120,59
Đường bộ	70.768	68.961	786.478	97,45	102,20	114,74
HÀNG HÓA						
Vận chuyển (Nghìn tấn)	4.297	4.208	44.822	97,93	119,66	118,62
Đường biển	-	-	7	-	-	49,00
Đường thủy nội địa	-	-	-	-	-	-
Đường bộ	4.297	4.208	44.814	97,93	119,71	118,64
Luân chuyển (Nghìn tấn.km)	426.302	417.665	4.360.562	97,97	115,34	117,28
Đường biển	-	-	4.350	-	-	53,85
Đường thủy nội địa	-	-	-	-	-	-
Đường bộ	426.302	417.665	4.356.212	97,97	115,53	117,42

11 Trật tự, an toàn xã hội

	Đơn vị tính	Sơ bộ kỳ báo cáo ¹³	Cộng dồn từ đầu năm đến cuối kỳ báo cáo	Kỳ báo cáo so với kỳ trước (%)	Kỳ báo cáo so với cùng kỳ năm 2023 (%)	Cộng dồn từ đầu năm đến cuối kỳ báo cáo so với cùng kỳ năm 2023 (%)
Tai nạn giao thông						
Tổng số vụ tai nạn giao thông	Vụ	44	501	122,22	93,62	107,97
Đường bộ	"	44	499	122,22	93,62	107,54
Đường sắt	"	-	2	-	-	-
Đường thủy	"	-	-	-	-	-
Số người chết	Người	12	104	80,00	200,00	105,05
Đường bộ	"	12	102	80,00	200,00	103,03
Đường sắt	"	-	2	-	-	-
Đường thủy	"	-	-	-	-	-
Số người bị thương	Người	36	486	109,09	66,67	116,55
Đường bộ	"	36	486	109,09	66,67	116,55
Đường sắt	"	-	-	-	-	-
Đường thủy	"	-	-	-	-	-
Cháy, nổ						
Số vụ cháy, nổ	Vụ	5	114	22,73	83,33	40,28
Số người chết	Người	-	1	-	-	50,00
Số người bị thương	"	-	-	-	-	-
Tổng giá trị tài sản thiệt hại	Triệu đồng	13,5	20.756	16,51	11,53	26,69

Ghi chú: Nguồn số liệu từ Công an thành phố Đà Nẵng

¹³ Số liệu kỳ báo cáo tính từ ngày 15/9/2024 đến 14/10/2024

12 Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn

	Đơn vị tính: Triệu đồng; %				
	Số liệu cùng kỳ năm 2023 ¹⁴	Số liệu kỳ báo cáo ¹⁵	Kỳ báo cáo so với cùng kỳ năm 2023	Cơ cấu cùng kỳ năm 2023	Cơ cấu kỳ báo cáo
Tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn	16.271.189	21.064.465	129,46	100,00	100,00
Thu nội địa	13.955.746	18.637.547	133,55	85,77	88,48
Thu từ doanh nghiệp nhà nước	1.060.226	1.267.899	119,59	6,52	6,02
Thu từ doanh nghiệp đầu tư nước ngoài	2.789.843	4.049.054	145,14	17,15	19,22
Thu từ khu vực công, thương nghiệp ngoài quốc doanh	3.106.871	4.499.196	144,81	19,09	21,36
Thuế thu nhập cá nhân	2.028.745	2.830.847	139,54	12,47	13,44
Thuế bảo vệ môi trường	967.645	1.021.634	105,58	5,95	4,85
Thu phí, lệ phí	1.020.196	1.346.177	131,95	6,27	6,39
Trong đó: Lệ phí trước bạ	603.296	831.404	137,81	3,71	3,95
Các khoản thu về nhà, đất	2.194.591	2.493.086	113,60	13,49	11,84
Thu xổ số kiến thiết (bao gồm cả xổ số điện toán)	196.583	203.907	103,73	1,21	0,97
Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản	13.637	14.542	106,64	0,08	0,07
Thu khác ngân sách	495.652	873.783	176,29	3,05	4,15
Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác	717	669	93,31	0,00	0,00
Thu hồi vốn, thu cổ tức, lợi nhuận, lợi nhuận sau thuế, chênh lệch thu, chi của ngân hàng nhà nước	81.040	36.753	45,35	0,50	0,17
Thu về dầu thô	-	-	-	-	-
Thu cân đối hoạt động xuất nhập khẩu	1.978.105	2.060.467	104,16	12,16	9,78
Thu viện trợ	9.215	6.635	72,00	0,06	0,03
Thu khác	328.123	359.816	109,66	2,02	1,71

Ghi chú: Nguồn số liệu từ Kho bạc Nhà nước Đà Nẵng

¹⁴ Cập nhật từ 01/01/2023 đến 25/10/2023

¹⁵ Cập nhật từ 01/01/2024 đến 25/10/2024

13 Chi ngân sách nhà nước trên địa bàn

<i>Đơn vị tính: Triệu đồng; %</i>					
	Số liệu cùng kỳ năm 2023 ¹⁶	Số liệu kỳ báo cáo ¹⁷	Kỳ báo cáo so với cùng kỳ năm 2023	Cơ cấu cùng kỳ năm 2023	Cơ cấu kỳ báo cáo
Tổng chi ngân sách nhà nước trên địa bàn	21.554.884	24.626.006	114,25	100,00	100,00
Chi đầu tư phát triển	7.244.945	8.217.714	113,43	33,61	33,37
Chi trả nợ lãi	38.684	36.687	94,84	0,18	0,15
Chi thường xuyên	14.268.233	16.366.049	114,70	66,19	66,46
Chi quốc phòng	5.152.457	6.108.784	118,56	23,90	24,81
Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội	986.664	1.204.978	122,13	4,58	4,89
Chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo, dạy nghề	2.045.114	2.515.529	123,00	9,49	10,21
Chi sự nghiệp y tế, dân số và kế hoạch hóa gia đình	638.947	674.240	105,52	2,96	2,74
Chi khoa học, công nghệ	68.476	73.574	107,44	0,32	0,30
Chi văn hóa, thông tin	132.414	141.275	106,69	0,61	0,57
Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn	45.662	53.414	116,98	0,21	0,22
Chi thể dục, thể thao	207.487	230.389	111,04	0,96	0,94
Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	236.740	289.159	122,14	1,10	1,17
Chi sự nghiệp kinh tế	1.914.117	1.849.696	96,63	8,88	7,51
Chi quản lý hành chính, Đảng, đoàn thể	1.614.231	1.820.035	112,75	7,49	7,39
Chi sự nghiệp đảm bảo xã hội	942.349	1.074.095	113,98	4,37	4,36
Chi trợ giá mặt hàng chính sách	-	-	-	-	-
Chi khác	283.575	330.882	116,68	1,32	1,34
Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	1.820	1.820	100,00	0,01	0,01
Chi dự phòng ngân sách	...	...	...	...	...
Các nhiệm vụ chi khác	1.203	3.736	310,70	0,01	0,02

Ghi chú: Nguồn số liệu từ Kho bạc Nhà nước Đà Nẵng

¹⁶ Cập nhật từ 01/01/2023 đến 25/10/2023

¹⁷ Cập nhật từ 01/01/2024 đến 25/10/2024

14 Hoạt động ngân hàng

Đơn vị tính: Tỷ đồng; %				
	Thời điểm 30/9/2024	Ước thời điểm 31/10/2024	Tháng 10/2024 so với	
			Cùng kỳ năm 2023	Tháng 12 năm 2023
Tổng nguồn vốn huy động	207.588	210.000	114,27	109,95
<i>Phân theo loại tiền</i>				
Đồng Việt Nam	200.634	202.800	113,83	109,44
Ngoại tệ (quy đổi VNĐ)	6.954	7.200	128,41	126,52
<i>Phân theo các hình thức huy động</i>				
Tiền gửi tiết kiệm	126.034	127.500	108,98	108,88
Tiền gửi thanh toán	81.554	82.500	123,55	111,64
Tổng dư nợ cho vay	225.667	227.500	106,39	103,51
<i>Phân theo kỳ hạn</i>				
Dư nợ ngắn hạn	105.724	107.000	110,87	106,74
Dư nợ trung và dài hạn	119.943	120.500	102,71	100,79
<i>Phân theo loại tiền</i>				
Dư nợ bằng VNĐ	222.051	223.700	107,03	104,04
Dư nợ bằng ngoại tệ (quy đổi VNĐ)	3.616	3.800	78,81	79,30

Ghi chú: Nguồn số liệu từ Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Đà Nẵng

15 Xuất, nhập khẩu hàng hóa

Đơn vị tính: 1000 USD; %					
	Thực hiện 9 tháng năm 2024	Ước tính tháng 10 năm 2024	Cộng dồn 10 tháng năm 2024	Tháng 10 năm 2024 so với cùng kỳ năm 2023	10 tháng năm 2024 so với cùng kỳ năm 2023
Tổng kim ngạch xuất, nhập khẩu hàng hóa	2.430.809	264.000	2.694.809	107,36	109,48
<i>Trong đó:</i>					
Xuất khẩu	1.432.340	153.000	1.585.340	104,95	103,63
Nhập khẩu	998.469	111.000	1.109.469	110,86	119,07
Xuất siêu	433.870	42.000	475.870		

Ghi chú: Nguồn số liệu từ Báo cáo Thống kê xuất, nhập khẩu tháng 9/2024 của Tổng cục Hải quan; CTK Đà Nẵng dự ước tháng 10/2024

16 Một số chỉ tiêu về khách lưu trú và lữ hành

	Đơn vị tính	Thực hiện tháng 9 năm 2024	Ước tính tháng 10 năm 2024	Cộng dồn 10 tháng năm 2024	Tháng 10 năm 2024 so với cùng kỳ 2023 (%)	10 tháng năm 2024 so với cùng kỳ năm 2023 (%)
Dịch vụ lưu trú						
Lượt khách phục vụ	Lượt khách	851.004	752.082	9.299.319	135,99	131,71
Khách quốc tế	"	336.034	320.823	3.487.172	152,15	131,16
Khách trong nước	"	514.970	431.259	5.812.148	126,04	132,04
Khách ngủ qua đêm	"	644.312	563.201	6.969.111	130,84	126,12
Khách quốc tế	"	318.465	304.579	3.289.104	151,12	129,38
Khách trong nước	"	325.847	258.621	3.680.007	112,99	123,34
Khách nghỉ trong ngày	"	206.692	188.881	2.330.209	154,06	151,81
Khách quốc tế	"	17.569	16.244	198.068	174,34	169,79
Khách trong nước	"	189.123	172.637	2.132.141	152,40	150,33
Ngày khách phục vụ (chỉ tính cho khách ngủ qua đêm)	Ngày khách	1.117.022	960.316	10.329.728	183,96	141,84
Khách quốc tế	"	500.227	521.837	5.064.966	185,11	128,16
Khách trong nước	"	616.795	438.480	5.264.762	182,60	158,08
Số ngày lưu trú bình quân ¹⁸	Ngày /lượt	1,73	1,71	1,48		
Khách quốc tế	"	1,57	1,71	1,54		
Khách trong nước	"	1,89	1,70	1,43		
Dịch vụ lữ hành						
Lượt khách du lịch theo tour	Lượt khách	129.093	109.958	1.243.786	112,78	110,33
Khách quốc tế	"	45.898	43.585	418.063	106,42	139,65
Khách trong nước	"	75.634	60.840	763.411	113,75	97,99
Khách Việt Nam đi du lịch nước ngoài	"	7.562	5.533	62.313	181,23	127,36
Ngày khách du lịch theo tour	Ngày khách	362.003	320.647	3.218.391	120,41	119,57
Khách quốc tế	"	189.681	187.291	1.628.220	109,22	128,83
Khách trong nước	"	128.970	102.764	1.264.959	123,36	101,62
Khách Việt Nam đi du lịch nước ngoài	"	43.352	30.593	325.212	265,54	177,79

¹⁸ Chỉ tính cho khách ngủ qua đêm